VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 17/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 ban hành Bảng mã HS đối với hàng hóa là thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật, thực vật thuộc các Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp

(Tiếp theo Công báo số 109 + 110)

BẢNG MÃ HS
Đối với hàng hóa là thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật, thực vật thuộc các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2023/TT-BNNPTNT, ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

II. HÀNG HÓA LÀ MẪU VẬT THỰC VẬT RỪNG NGUY CẤP, QUÝ HIẾM; THỰC VẬT THUỘC CÁC PHỤ LỤC CITES

1. Cây sống; củ, rễ và loại tương tự; cành hoa và cành lá trang trí của thực vật

Mã hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
06.02	**Cây sống khác (kể cả rễ), cành giâm và cành ghép; hệ sợi nấm**		
0602.10	- Cành giâm và cành ghép không có rễ:		
0602.10.10	- - Của cây phong lan, bao gồm:		
		Orchidaceae/Orchids/Họ Lan	
		ORCHIDACEAE spp. [P3#4]/Các loài họ Lan (trừ các loài Lan quy định tại Phụ lục I và các loài Lan thuộc Nhóm IA)	II CITES; IIA

[P3] Các mẫu vật lai được nhân giống nhân tạo của các chi *Cymbidium, Dendrobium, Phalaenopsis* và *Vanda* không thuộc phạm vi điều chỉnh của CITES khi đáp ứng các điều kiện a) và b) dưới đây:

a) Các mẫu vật có thể dễ dàng nhận biết là mẫu vật được nhân giống nhân tạo và cây không có dấu hiệu nào chứng tỏ được thu hái trong tự nhiên như bị hư hại do tác động vật lý hay bị héo, phát triển không đồng đều, có kích thước và hình dạng khác nhau trong một loài và trong một lô hàng, có nấm hoặc các loại rong rêu tảo trên lá hoặc bị hư hại do côn trùng hoặc các loài sâu bệnh khác; và

Mã hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Aerangis ellisii [P4]/Aerangis orchid/Lan madagascar	I CITES; IIA
		Cattleya jongheana [P4]/Jongheana Laelia/Lan jongheana	I CITES; IIA
		Cattleya lobata [P4]/Lobata orchid/Lan có thùy	I CITES; IIA
		Dendrobium cruentum [P4]/Cruentum dendrobium/ Lan hoàng thảo đỏ	I CITES; IIA
		Mexipedium xerophyticum [P4]/Lan mexipedium	I CITES; IIA
		Paphiopedilum **spp.** [P4]/Asian tropical Lady's slipper orchids/Các loài Lan thuộc chi *Paphiopedilum* (Các loài Lan hài châu á)	I CITES; IA
		Peristeria elata [P4]/Dove flower/Lan peristeria	I CITES; IIA
		Phragmipedium **spp** [P4]./Phragmipedium orchid/ Các loài Lan thuộc chi *Phragmipedium*	I CITES; IIA
		Renanthera imschootiana [P4]/Red vanda orchid/ Lan vanda đỏ	I CITES; IIA
		Anoectochilus acalcaratus/Lan kim tuyến không cựa	II CITES; IA
		Anoectochilus calcareus/Lan kim tuyến đá vôi	II CITES; IA
		Anoectochilus setaceus/Lan kim tuyến cỏ nhung	II CITES; IA
0602.90	- Loại khác:		
0602.90.10	- - Cành giâm và cành ghép phong lan có rễ, bao gồm:		

b) i) khi được vận chuyển trong trạng thái không có hoa, các mẫu vật phải được đựng trong mỗi thùng đựng riêng (ví dụ thùng các-tông, hộp, các ngăn trong một công-ten-nơ lớn) mỗi thùng chứa 20 hoặc hơn 20 cây lai cùng loại; cây trong mỗi thùng phải thể hiện độ đồng nhất chiều cao (đều tăm tắp) và mức độ sạch bệnh; và lô hàng phải kèm theo giấy tờ như hóa đơn nêu rõ số lượng cây của mỗi loài lai; hoặc

ii) khi chúng được buôn bán ở trạng thái đang ra hoa, ví dụ có ít nhất một bông hoa nở cho một mẫu vật, không yêu cầu số lượng tối thiểu cho mỗi lô hàng nhưng các mẫu vật phải được chế biến chuyên nghiệp để bán lẻ, ví dụ dán nhãn mác in và được đóng gói bằng giấy có in nhãn hoặc được đóng gói có in tên cây lai nhân giống nhân tạo và quốc gia chế biến cuối cùng. Dán nhãn theo cách dễ dàng nhận biết và dễ giám định.

Cây không đủ điều kiện hưởng miễn trừ phải đi kèm các giấy phép CITES phù hợp.

[P4] Cây con hoặc mô nuôi cấy trong bình (*in vitro*) được vận chuyển trong vật đựng vô trùng thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của CITES nếu các mẫu vật đáp ứng định nghĩa "nhân giống nhân tạo" được Hội nghị các nước thành viên thông qua.

[P4] Cây con hoặc mô nuôi cấy trong bình (*in vitro*) được vận chuyển trong vật đựng vô trùng thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của CITES nếu các mẫu vật đáp ứng định nghĩa 'nhân giống nhân tạo' được Hội nghị các nước thành viên thông qua.

Mã hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Orchidaceae/Orchids/Họ Lan	
		ORCHIDACEAE spp. [P3#4]/Các loài họ Lan (trừ các loài Lan quy định tại Phụ lục I và các loài Lan thuộc Nhóm IA)	II CITES; IIA
		Aerangis ellisii [P4]/Aerangis orchid/Lan madagascar	I CITES; IIA
		Cattleya jongheana [P4]/Jongheana Laelia/Lan jongheana	I CITES; IIA
		Cattleya lobata [P4]/Lobata orchid/Lan có thùy	I CITES; IIA
		Dendrobium cruentum [P4]/Cruentum dendrobium/ Lan hoàng thảo đỏ	I CITES; IIA
		Mexipedium xerophyticum [P4]/Lan mexipedium	I CITES; IIA
		Paphiopedilum **spp.** [P4]/Asian tropical Lady's slipper orchids/Các loài Lan thuộc chi *Paphiopedilum* (Các loài Lan hài châu á)	I CITES; IA
		Peristeria elata [P4]/Dove flower/Lan peristeria	I CITES; IIA
		Phragmipedium **spp** [P4]./Phragmipedium orchid/Các loài Lan thuộc chi *Phragmipedium*	I CITES; IIA

[P3] Các mẫu vật lai được nhân giống nhân tạo của các chi *Cymbidium, Dendrobium, Phalaenopsis* và *Vanda* không thuộc phạm vi điều chỉnh của CITES khi đáp ứng các điều kiệna) vàb) dưới đây:

a) Các mẫu vật có thể dễ dàng nhận biết là mẫu vật được nhân giống nhân tạo và cây không có dấu hiệu nào chứng tỏ được thu hái trong tự nhiên như bị hư hại do tác động vật lý hay bị héo, phát triển không đồng đều, có kích thước và hình dạng khác nhau trong một loài và trong một lô hàng, có nấm hoặc các loại rong rêu tảo trên lá hoặc bị hư hại do côn trùng hoặc các loài sâu bệnh khác; và

b) i) khi được vận chuyển trong trạng thái không có hoa, các mẫu vật phải được đựng trong mỗi thùng đựng riêng (ví dụ thùng các-tông, hộp, các ngăn trong một công-ten-nơ lớn) mỗi thùng chứa 20 hoặc hơn 20 cây lai cùng loại; cây trong mỗi thùng phải thể hiện độ đồng nhất chiều cao (đều tăm tắp) và mức độ sạch bệnh; và lô hàng phải kèm theo giấy tờ như hóa đơn nêu rõ số lượng cây của mỗi loài lai; hoặc

ii) khi chúng được buôn bán ở trạng thái đang ra hoa, ví dụ có ít nhất một bông hoa nở cho một mẫu vật, không yêu cầu số lượng tối thiểu cho mỗi lô hàng nhưng các mẫu vật phải được chế biến chuyên nghiệp để bán lẻ, ví dụ dán nhãn mác in và được đóng gói bằng giấy có in nhãn hoặc được đóng gói có in tên cây lai nhân giống nhân tạo và quốc gia chế biến cuối cùng. Dán nhãn theo cách dễ dàng nhận biết và dễ giám định.

Cây không đủ điều kiện hưởng miễn trừ phải đi kèm các giấy phép CITES phù hợp.

[P4] Cây con hoặc mô nuôi cấy trong bình (*in vitro*) được vận chuyển trong vật đựng vô trùng thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của CITES nếu các mẫu vật đáp ứng định nghĩa 'nhân giống nhân tạo' được Hội nghị các nước thành viên thông qua.

[P4] Cây con hoặc mô nuôi cấy trong bình (*in vitro*) được vận chuyển trong vật đựng vô trùng thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của CITES nếu các mẫu vật đáp ứng định nghĩa 'nhân giống nhân tạo' được Hội nghị các nước thành viên thông qua.

Mã hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Renanthera imschootiana [P4]/Red vanda orchid/ Lan vanda đỏ	I CITES; IIA
		Anoectochilus acalcaratus/Lan kim tuyến không cựa	II CITES; IA
		Anoectochilus calcareus/Lan kim tuyến đá vôi	II CITES; IA
		Anoectochilus setaceus/Lan kim tuyến cỏ nhung	II CITES; IA
0602.90.20	- - Cây phong lan giống, bao gồm:		
		Orchidaceae/ Orchids/Họ Lan	
		ORCHIDACEAE spp. [P3#4]/Các loài họ Lan (trừ các loài Lan quy định tại Phụ lục I và các loài Lan thuộc Nhóm IA)	II CITES; IIA
		Aerangis ellisii [P4]/Aerangis orchid/Lan madagascar	I CITES; IIA
		Cattleya jongheana [P4]/Jongheana Laelia/Lan jongheana	I CITES; IIA
		Cattleya lobata [P4]/Lobata orchid/Lan có thùy	I CITES; IIA
		Dendrobium cruentum [P4]/Cruentum dendrobium/ Lan hoàng thảo đỏ	I CITES; IIA

[P3] Các mẫu vật lai được nhân giống nhân tạo của các chi *Cymbidium, Dendrobium, Phalaenopsis* và *Vanda* không thuộc phạm vi điều chỉnh của CITES khi đáp ứng các điều kiện a) và b) dưới đây:

a) Các mẫu vật có thể dễ dàng nhận biết là mẫu vật được nhân giống nhân tạo và cây không có dấu hiệu nào chứng tỏ được thu hái trong tự nhiên như bị hư hại do tác động vật lý hay bị héo, phát triển không đồng đều, có kích thước và hình dạng khác nhau trong một loài và trong một lô hàng, có nấm hoặc các loại rong rêu tảo trên lá hoặc bị hư hại do côn trùng hoặc các loài sâu bệnh khác; và

b) i) khi được vận chuyển trong trạng thái không có hoa, các mẫu vật phải được đựng trong mỗi thùng đựng riêng (ví dụ thùng các-tông, hộp, các ngăn trong một công-ten-nơ lớn) mỗi thùng chứa 20 hoặc hơn 20 cây lai cùng loại; cây trong mỗi thùng phải thể hiện độ đồng nhất chiều cao (đều tăm tắp) và mức độ sạch bệnh; và lô hàng phải kèm theo giấy tờ như hóa đơn nêu rõ số lượng cây của mỗi loài lai; hoặc

ii) khi chúng được buôn bán ở trạng thái đang ra hoa, ví dụ có ít nhất một bông hoa nở cho một mẫu vật, không yêu cầu số lượng tối thiểu cho mỗi lô hàng nhưng các mẫu vật phải được chế biến chuyên nghiệp để bán lẻ, ví dụ dán nhãn mác in và được đóng gói bằng giấy có in nhãn hoặc được đóng gói có in tên cây lai nhân giống nhân tạo và quốc gia chế biến cuối cùng. Dán nhãn theo cách dễ dàng nhận biết và dễ giám định.

Cây không đủ điều kiện hưởng miễn trừ phải đi kèm các giấy phép CITES phù hợp.

[P4] Cây con hoặc mô nuôi cấy trong bình (*in vitro*) được vận chuyển trong vật đựng vô trùng thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của CITES nếu các mẫu vật đáp ứng định nghĩa "nhân giống nhân tạo" được Hội nghị các nước thành viên thông qua.

Mã hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Mexipedium xerophyticum [P4]/Lan mexipedium	I CITES; IIA
		Paphiopedilum **spp.** [P4]/Asian tropical Lady's slipper orchids/Các loài Lan thuộc chi *Paphiopedilum* (Các loài Lan hài châu á)	I CITES; IA
		Peristeria elata [P4]/Dove flower/Lan peristeria	I CITES; IIA
		Phragmipedium **spp**[P4]./Phragmipedium orchid/ Các loài Lan thuộc chi *Phragmipedium*	I CITES; IIA
		Renanthera imschootiana [P4]/Red vanda orchid/Lan vanda đỏ	I CITES; IIA
		Anoectochilus acalcaratus/Lan kim tuyến không cựa	II CITES; IA
		Anoectochilus calcareus/Lan kim tuyến đá vôi	II CITES; IA
		Anoectochilus setaceus/Lan kim tuyến cỏ nhung	II CITES; IA
0602.90.90	- - Loại khác, bao gồm:		
		Agavaceae/Agaves, bear-grass/Họ Thùa	
		Agave parviflora/Little princess agave/Thùa hoa nhỏ	I CITES
		Agave victoriae-reginae[#4]/Queen Victoria agave/ Thùa hoàng hậu	II CITES
		Nolina interrata/San Diego nolina/Phong nữ san diego	II CITES

[P4] Cây con hoặc mô nuôi cấy trong bình (*in vitro*) được vận chuyển trong vật đựng vô trùng thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của CITES nếu các mẫu vật đáp ứng định nghĩa "nhân giống nhân tạo" được Hội nghị các nước thành viên thông qua.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Yucca queretaroensis/Queretaro yucca/Thùa yucca	II CITES
		Amaryllidaceae/Snowdrops, sternbergias/Họ Thủy tiên	
		***Galanthus* spp.**[#4]/Snowdrops/Các loài Thủy tiên hoa sữa	II CITES
		***Sternbergia* spp.**[#4]/Sternbergia/Các loài Thủy tiên sternbergia	II CITES
		Anacardiaceae/Cashews/Họ Đào lộn hột	
		Operculicarya decaryi/Jabihi/Cây Jabihy	II CITES
		Operculicarya hyphaenoides/Labihi/Loài labihi	II CITES
		Operculicarya pachypus/Tabily/Loài tabily	II CITES
		Apocynaceae/Elephant trunks, hoodias/Họ Trúc đào	
		***Hoodia* spp.**[#9]/Các loài trúc đào thuộc chi *Hoodia*	II CITES
		***Pachypodium* spp.**[#4]/Elephant's trunks/Các loài Vòi voi thuộc chi *Pachypodium* (Trừ các loài quy định tại Phụ lục I)	II CITES
		Pachypodium ambongense/Vòi voi Songosongo	I CITES
		Pachypodium baronii/Elephant's trunks/Vòi voi baron	I CITES
		Pachypodium decaryi/Elephant's trunks/Vòi voi decary	I CITES
		Pachypodium windsorii/Vòi voi windsor	I CITES
		Raphionacme zeyheri (Nam Phi)	III CITES
		Rauvolfia serpentina[#2]/Serpent-wood/Ba gạc thuốc	II CITES
		Asparagaceae/Beaucarnea/Họ Măng tây	
		***Beaucarnea* spp.**/Các loài Măng tây thuộc chi *Beaucarnea*	II CITES

[#9] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ những sản phẩm có nhãn: "được sản xuất từ nguyên liệu *Hoodia* spp. có nguồn gốc từ thu hái có kiểm soát và sản xuất dưới sự giám sát của Cơ quan quản lý CITES [Botswana theo giấy phép số BW/xxxxxx] [Namibia theo giấy phép số NA/xxxxxx] [Nam Phi theo giấy phép số ZA/xxxxxx].

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

Mã hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Bromeliaceae/Tillandsias/Họ Dứa	
		Tillandsia harrisii [#4]/Harris Tillandsia/Dứa harris	II CITES
		Tillandsia kammii [#4]/Kam Tillandsia/Dứa kam	II CITES
		Tillandsia xerographica[#4]/Xerographica Tillandsia/ Dứa xerographia	II CITES

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hCITES ấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của loài *Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của loài *Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Cactaceae/Cacti/Họ Xương rồng	
		CACTACEAE spp.[P1#4]/Các loài thuộc họ Xương rồng (Trừ các loài quy định trong Phụ lục I và trừ các loài thuộc chi *Pereskia*, chi *Pereskiopsis* và chi *Quiabentia* không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		***Ariocarpus* spp./**Living rock cacti/Các loài Xương rồng đá	I CITES
		***Astrophytum asterias*/**Star cactus/Xương rồng sao	I CITES
		Aztekium ritteri/Aztec cactus/Xương rồng aztekium	I CITES
		Coryphantha werdermannii/Jabali pincushion cactus/ Xương rồng werdermann	I CITES
		***Discocactus* spp./**Disco cacti/Các loài Xương rồng đĩa thuộc chi *Discocactus*	I CITES
		Echinocereus ferreirianus* ssp. *lindsayi/Linday's hedgehog cactus/Xương rồng lindsay	I CITES
		Echinocereus schmollii/Lamb's tail cactus/Xương rồng đuôi cừu	I CITES
		Escobaria minima/Nellie's cory cactus/Xương rồng nhỏ	I CITES
		Escobaria sneedii/Sneed's pincushion cactus/Xương rồng sneed	I CITES
		Mammillaria pectinifera/Conchilinque/Xương rồng lược (bao gồm phân loài *Solisioides*)	I CITES

[P1] Các mẫu vật được nhân giống nhân tạo của cây lai hoặc chủng cây trồng sau đây không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước

- *Hatiora* x *graeseri*

- *Schlumbergera* x *buckleyi*

- *Schlumbergera russelliana* x *Schlumbergera truncata*

- *Schlumbergera orssichiana* x *Schlumbergera truncata*

- *Schlumbergera opuntioides* x *Schlumbergera truncata*

- *Schlumbergera truncata* (chủng cây trồng)

- Các biến thể màu của loài xương rồng *Cactaceae* spp. được ghép trên các gốc ghép sau: *Harrisia* 'Jusbertii', *Hylocereus trigonus* hoặc *Hylocereus undatus*

- *Opuntia microdasys* (chủng cây trồng).

Mã hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Melocactus conoideus/Conelike Turk's cap/Xương rồng nón	I CITES
		Melocactus deinacanthus/Wonderfully bristled Turk's-cap catus/Xương rồng đẹp	I CITES
		Melocactus glaucescens/Wooly waxy-stemmed Turk's cactus/Xương rồng thân có sáp	I CITES
		Melocactus paucispinus/Few-spined Turk's Cap cactus/Xương rồng ít gai	I CITES
		Obregonia denegrii/Articho cactus/Xương rồng actisô	I CITES
		Pachycereus militaris/Teddy-bear cactus/Xương rồng pachycereus	I CITES
		Pediocactus bradyi/Brady's pincushion cactus/Xương rồng brady	I CITES
		Pediocactus knowltonii/Knowlton's cactus/Xương rồng knowlton	I CITES
		Pediocactus paradinei/Paradise's cactus/Xương rồng thiên đường	I CITES
		Pediocactus peeblesianus/Peeble's cactus/Xương rồng peeble	I CITES
		Pediocactus sileri/Siler's pincushion cactus/Xương rồng siler	I CITES
		***Pelecyphora* spp.**/Hatchets/Các loài thuộc chi Xương rồng nón thông *Pelecyphora*	I CITES
		Sclerocactus blainei/Blainei cactus/Xương rồng blainei	I CITES
		***Sclerocactus brevihamatus* ssp. *tobuschii*/**Tobusch's Fishhook cactus/Xương rồng tobusch	I CITES
		Sclerocactus brevispinus/Pariette cactus/Xương rồng pariette	I CITES
		Sclerocactus cloverae/Clover eagle-claw cactus/Xương rồng vuốt đại bàng ba lá	I CITES

Mã hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Sclerocactus erectocentrus/Needle-spined pineapple cactus/Xương rồng gai	I CITES
		Sclerocactus glaucus/Unita (Vinta) Basin hookless cactus/Xương rồng xanh xám	I CITES
		Sclerocactus mariposensis/Mariposa cactus/Xương rồng mariposa	I CITES
		Sclerocactus mesae-verdae/Mesa Verde cactus/Xương rồng mesa	I CITES
		Sclerocactus nyensis/Nye County fishhook cactus/Xương rồng tonopah	I CITES
		Sclerocactus papyracanthus/Grama-grass cactus/Xương rồng dạng cỏ	I CITES
		Sclerocactus pubispinus/Great Basin fishhook cactus/ Xương rồng lưỡi câu lớn	I CITES
		Sclerocactus sileri/Siler fishhook cactus/Xương rồng lưỡi câu siler	I CITES
		Sclerocactus wetlandicus/Uinta Basin hookless cactus/ Xương rồng móc treo uinta	I CITES
		Sclerocactus wrightiae/Wight's fishhook cactus/ Xương rồng lưỡi câu wight	I CITES
		***Strombocactus* spp./**Disk cactus/Các loài Xương rồng đĩa thuộc chi *Strombocatus*	I CITES
		***Turbinicarpus* spp./**Turbinicacti/Các loài Xương rồng dạng quả hình con quay thuộc chi *Turbinicarpus*	I CITES
		***Uebelmannia* spp./**Uebelmann cacti/Các loài Xương rồng uebelmann thuộc chi *Uebelmannia*	I CITES
		Cucurbitaceae/Melons, gourds, cucurbits/Họ Bầu bí	
		Zygosicyos pubescens/cây Tobory	II CITES
		Zygosicyos tripartitus/cây Betoboky	II CITES

Mã hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Cyatheaceae/Tree-ferns/Họ Dương xỉ	
		***Cyathea* spp.**[#4]/Tree-ferns/Các loài Dương xỉ thân gỗ thuộc chi *Cyathea*	II CITES; IIA
		Cycadacea/Cycads/Họ Tuế	
		CYCADACEAE spp. [#4]/Cycas/Các loài thuộc họ Tuế (Trừ loài được quy định tại Phụ lục I)	II CITES
		***Cycas* spp./**Các loài Tuế thuộc chi *Cycas* (Trừ loài *Cycas beddomei* thuộc Phụ lục I)	II CITES; IIA
		Cycas beddomei/Beddom's cycas/Tuế beddom	I CITES
		Dicksoniaceae/ Tree-ferns/Họ Kim mao	
		Cibotium barometz [#4]/Tree fern/Cẩu tích (Lông cu li)	II CITES; IIA
		***Dicksonia* spp.**[#4]/Tree ferns/Các loài thuộc chi Kim mao *Dicksonia* (Chỉ áp dụng đối với các quần thể phân bố tại châu Mỹ; các quần thể khác không quy định trong các Phụ lục)	II CITES
		Didiereaceae/Alluaudias, didiereas/Họ Didiereaceae	
		DIDIEREACEAE spp.[#4]/Các loài thuộc họ Didiereaceae	II CITES
		Droseraceae/Venus flytrap/Họ Gọng vó	
		Dionaea muscipula [#4]/Venus fly-trap/Gọng vó thần vệ nữ	II CITES

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài *Bletilla striata, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Euphorbiacee/ Spurges/Họ Thầu dầu	
		***Euphorbia* spp.** [P2] [#4]/Euphorbias/Các loài Đại kích châu mỹ (Chỉ áp dụng với đại kích mọng nước trừ các loài thuộc Phụ lục I và loài *Euphorbia misera* không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Euphorbia ambovombensis/Ambovomben euphorbia/ Cỏ sữa ambovomben	I CITES
		Euphorbia capsaintemariensis/Capsaintemarien euphorbia/ Cỏ sữa capsaintemarien	I CITES
		Euphorbia cremersii/Cremerseuphorbia/Cỏ sữa cremers (bao gồm cả *forma viridifolia* và var. *rakotozafyi*)	I CITES
		Euphorbia cylindrifolia/Cylindrifolia euphorbia/ Cỏ sữa lá dạng trụ (bao gồm cả các loài phụ *tuberifera*)	I CITES
		Euphorbia decaryi/Decayri euphorbia/Cỏ sữa decayri (bao gồm cả giống *ampanihyenis, robinsonii* và *spirosticha*)	I CITES

[P2] Các mẫu vật trồng cấy nhân tạo loài *Euphorbia trigona*, các mẫu vật trồng cấy nhân tạo hình quạt, vương miện hoặc các biến thể màu của loài *Euphorbia lactea*, khi được ghép với gốc của cây mẹ *Euphorbia neriifolia* được nhân giống nhân tạo, và mẫu vật trồng cấy nhân tạo loài *Euphorbia* 'Milii' được buôn bán với số lượng 100 cây trở lên và dễ dàng nhận biết được đó là những mẫu vật trồng cấy nhân tạo, thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của CITES

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của loài *Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài *Bletilla striata, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Euphorbia francoisii/Francoiseuphorbia/Cỏ sữa francois	I CITES
		Euphorbia moratii/Morat euphorbia/Cỏ sữa morat (bao gồm cả thứ *antsingiensis*, *bemarahensis* và *multiflora*)	I CITES
		Euphorbia parvicyathophora/Parvicyathophora euphorbia/ Cỏ sữa parvicyathophora	I CITES
		Euphorbia quartziticola/Quartzitticola euphorbia/Cỏ sữa quartzitticola	I CITES
		Euphorbia tulearensis/Tulear euphorbia/Cỏ sữa tulear	I CITES
		Fouquieriaceae/ Ocotillos/Họ Bẹ chìa	
		Fouquieria columnaris [#4]/Boojum tree/Cây boojum	II CITES
		Fouquieria fasciculata/Boojum tree/Cây boojumfasciculata	I CITES
		Fouquieria purpusii/Boojum tree/Cây boojumpurpusii	I CITES
		Leguminosae (Fabaceae) Afrormosia, cristobal, rosewood, sandalwood/Họ Đậu	
		Senna meridionalis/Taraby/Cây taraby	II CITES
		Malvaceae/Baobab/Họ Bông	
		Adansonia grandidieri [#16]/Grandidier's baobab/Cây bao báp grandidier	II CITES

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của loài *Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài *Bletilla striata, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#16] Hạt, quả và dầu.

Mã hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Nepenthaceae/Pitcher-plants (Old World)/Họ Nắp ấm	
		***Nepenthes* spp.** [#4]/Tropical picherplants/Các loài Nắp ấm nhiệt đới (trừ các loài được quy định tại Phụ lục I)	II CITES
		Nepenthes khasiana/Indian tropical picherplants/ Nắp ấm nhiệt đới ấn độ	I CITES
		Nepenthes rajah/Giant tropical picherplants/Nắp ấm khổng lồ	I CITES
		Palmae (Arecaceae)/Palms/Họ Cau	
		Beccariophoenix madagascariensis [#4]/Graint windown pane/Cọ vuông lớn	II CITES
		Dypsis decaryi [#4]/Triangle palm/Cau neodypsis	II CITES
		Dypsis decipiens/Butterfly palm/Cau kiểng dạng bướm	I CITES
		Lemurophoenix halleuxii/Red Lemur palm/Cau halleux	II CITES
		Lodoicea maldivica [#13]/Double Coconut Palm/Dừa kép (Seychelles)	III CITES
		Marojejya darianii/Big leaf palm, Darian palm/Cau darian	II CITES
		Ravenea louvelii/East Madagascar palm/Cọ louve	II CITES

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của loài *Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#13] Nhân (còn được gọi là 'nội nhũ', 'cùi' hoặc 'cùi dừa') và bất kỳ chất dẫn xuất nào của chúng, ngoại trừ các sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

Mã hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Ravenea rivularis/Majesty palm/Cau raven	II CITES
		Satranala decussilvae/Forest Bismarckia/Cau satranala	II CITES
		Voanioala gerardii/Forest coconut/Cau gerard	II CITES
		Passifloraceae/Passion-flowers/Họ Lạc tiên	
		Adenia firingalavensis/Bottle liana/Thư diệp leo hình chai	II CITES
		Adenia olaboensis/Thư diệp vahisasety	II CITES
		Adenia spinosa/Thư điệp spinosa (Nam Phi)	III CITES
		Adenia subsessifolia/Katakata/Thư diệp cuốc ngắn	II CITES
		Pedaliaceae/Sesames/Họ vừng	
		Uncarina grandidieri/Ucarina/Cây uncarina grandidieri	II CITES
		Uncarina stellulifera/Ucarina/Cây uncarina stellulifera	II CITES
		Portulacaceae/Lewisias, portulacas, purslanes/ Họ Rau sam	
		***Anacampseros* spp.** [#4]/Purselanes/Các loài Rau sam thuộc chi *Anacampseros*	II CITES
		***Avonia* spp.** [#4]/Avonia/Các loài Rau sam thuộc chi *Avonia*	II CITES
		Lewisia serrata [#4]/Cotyledon lewisia/Rau sam lá mầm lewisia	II CITES

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Primulaceae/Cyclamens/Họ Anh thảo	
		***Cyclamen* spp.** [P5#4]/Cyclamens/Các loài Hoa anh thảo thuộc chi *Cyclamen*	II CITES
		Ranunculaceae/Yellow adonis, yellow root/Họ Hoàng liên	
		Adonis vernalis [#2]/Spring adonis/Hoàng liên adonis	II CITES
		Sarraceniaceae/Pitcher-plants (New World)/Họ Nắp ấm châu mỹ	
		***Sarracenia* spp.**[#4]/North American pitcherplants/ Các loài Nắp ấm bắc mỹ (trừ các loài quy định tại Phụ lục I)	II CITES
		Sarracenia oreophila/Green pitcher plant/Nắp ấm xanh	I CITES
		***Sarracenia rubra* ssp. *alabamensis*/**Sweet pitcher plant/Nắp ấm rubra	I CITES
		***Sarracenia rubra* ssp. *jonesii*/**Sweet pitcher plant/Nắp ấm jones	I CITES
		Stangeriaceae/Stangerias/Họ Tuế lá dương xỉ	

[P5] Mẫu vật được nhân giống nhân tạo của loài *Cyclamen persicum* không thuộc phạm vi điều chỉnh của CITES. Tuy nhiên, việc miễn trừ không áp dụng đối với các mẫu vật là củ đang trong giai đoạn ngủ sinh lý.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

Mã hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		***Bowenia* spp.**[#4]/Byfield fern/Các loài Tuế úc lá dương xỉ thuộc chi *Bovenia*	II CITES
		Stangeria eriopus/Hottentot's head/Tuế lá dương xỉ	I CITES
		Vitaceae/Grapes/Họ Nho	
		Cyphostemma elephantopus/Elephant-foot grape tree/ Nho chân voi	II CITES
		Cyphostemma laza/Laza/Cây laza	II CITES
		Cyphostemma montagnacii/Cyphostemma, Mangeboka/ Loài lazambohitra	II CITES
		Zamiaceae/ Cycads/Họ Tuế zamia	
		ZAMIACEAE spp.[#4]/Cycas/Các loài tuế zamia (trừ các loài quy định tại Phụ lục I)	II CITES
		***Ceratozamia* spp.**/Ceratozamia/Các loài Tuế mêxicô thuộc chi *Ceratozamia*	I CITES
		***Encephalartos* spp.**/Bread palms/Các loài Tuế châu phi thuộc chi *Encephalartos*	I CITES
		Microcycas calocoma/Palm corcho/Tuế nhỏ	I CITES
		Zamia restrepoi/Zamie/Tuế zamine	I CITES
		Zingiberaceae/Ginger lily/Họ Gừng	
		Hedychium philippinense[#4]/philippine garland flower/ Ngải tiên philippine	II CITES

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Siphonochilus aethiopicus/Natal ginger/Gừng natal (Chỉ áp dụng đối với quần thể ở Eswatini, Mozambique, Nam Phi và Zimbabwe, các quần thể còn lại không quy định trong Phụ lục)	II CITES
06.03	**Cành hoa và nụ hoa dùng làm hoa bó hoặc để trang trí, tươi, khô, đã nhuộm, tẩy, thấm tẩm hoặc xử lý cách khác**		
	- Tươi		
0603.13.00	- - Phong lan, bao gồm:		
		Orchidaceae/Orchids/Họ Lan	
		ORCHIDACEAE spp. [P3#4]/Các loài họ Lan (trừ các loài Lan quy định tại Phụ lục I và các loài Lan thuộc Nhóm IA)	II CITES; IIA
		Aerangis ellisii [P4]/Aerangis orchid/Lan madagascar	I CITES; IIA
		Cattleya jongheana [P4]/Jongheana Laelia/Lan jongheana	I CITES; IIA
		Cattleya lobata [P4]/Lobata orchid/Lan có thùy	I CITES; IIA
		Dendrobium cruentum [P4]/Cruentum dendrobium/ Lan hoàng thảo đỏ	I CITES; IIA
		Mexipedium xerophyticum [P4]/Lan mexipedium	I CITES; IIA

[P3] Các mẫu vật lai được nhân giống nhân tạo của các chi *Cymbidium, Dendrobium, Phalaenopsis* và *Vanda* không thuộc phạm vi điều chỉnh của CITES khi đáp ứng các điều kiện a) và b) dưới đây:

a) Các mẫu vật có thể dễ dàng nhận biết là mẫu vật được nhân giống nhân tạo và cây không có dấu hiệu nào chứng tỏ được thu hái trong tự nhiên như bị hư hại do tác động vật lý hay bị héo, phát triển không đồng đều, có kích thước và hình dạng khác nhau trong một loài và trong một lô hàng, có nấm hoặc các loại rong rêu tảo trên lá hoặc bị hư hại do côn trùng hoặc các loài sâu bệnh khác; và

b) i) khi được vận chuyển trong trạng thái không có hoa, các mẫu vật phải được đựng trong mỗi thùng đựng riêng (ví dụ thùng các-tông, hộp, các ngăn trong một công-ten-nơ lớn) mỗi thùng chứa 20 hoặc hơn 20 cây lai cùng loại; cây trong mỗi thùng phải thể hiện độ đồng nhất chiều cao (đều tăm tắp) và mức độ sạch bệnh; và lô hàng phải kèm theo giấy tờ như hóa đơn nêu rõ số lượng cây của mỗi loài lai; hoặc

ii) khi chúng được buôn bán ở trạng thái đang ra hoa, ví dụ có ít nhất một bông hoa nở cho một mẫu vật, không yêu cầu số lượng tối thiểu cho mỗi lô hàng nhưng các mẫu vật phải được chế biến chuyên nghiệp để bán lẻ, ví dụ dán nhãn mác in và được đóng gói bằng giấy có in nhãn hoặc được đóng gói có in tên cây lai nhân giống nhân tạo và quốc gia chế biến cuối cùng. Dán nhãn theo cách dễ dàng nhận biết và dễ giám định.

Cây không đủ điều kiện hưởng miễn trừ phải đi kèm các giấy phép CITES phù hợp.

[P4] Cây con hoặc mô nuôi cấy trong bình (*in vitro*) được vận chuyển trong vật đựng vô trùng thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của CITES nếu các mẫu vật đáp ứng định nghĩa 'nhân giống nhân tạo' được Hội nghị các nước thành viên thông qua.

Mã hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		***Paphiopedilum* spp.** [P4]/Asian tropical Lady's slipper orchids/Các loài Lan thuộc chi *Paphiopedilum* (Các loài Lan hài châu á)	I CITES; IA
		Peristeria elata [P4]/Dove flower/Lan peristeria	I CITES; IIA
		***Phragmipedium* spp** [P4]./Phragmipedium orchid/Các loài Lan thuộc chi *Phragmipedium*	I CITES; IIA
		Renanthera imschootiana [P4]/Red vanda orchid/ Lan vanda đỏ	I CITES; IIA
		Anoectochilus acalcaratus/Lan kim tuyến không cựa	II CITES; IA
		Anoectochilus calcareus/Lan kim tuyến đá vôi	II CITES; IA
		Anoectochilus setaceus/Lan kim tuyến cỏ nhung	II CITES; IA

2. Hạt dầu và quả có dầu; Cây dược liệu

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
12.07	**Quả và hạt có dầu khác, đã hoặc chưa vỡ mảnh**		
1207.10	- Hạt cọ và nhân hạt cọ:		
1207.10.10	- - Hạt cọ phù hợp để gieo/trồng (SEN)		
		Palmae (Arecaceae)/Palms/Họ Cau	
		Beccariophoenix madagascariensis [#4]/Graint windown pane/ Cọ vuông lớn	II CITES
		Ravenea louvelii/East Madagascar palm/Cọ louve	II CITES
1207.10.30	- - Nhân hạt cọ		
		Palmae (Arecaceae)/Palms/Họ Cau	
		Beccariophoenix madagascariensis [#4]/Graint windown pane/ Cọ vuông lớn	II CITES
		Ravenea louvelii/East Madagascar palm/Cọ louve	II CITES

[P4] Cây con hoặc mô nuôi cấy trong bình (*in vitro*) được vận chuyển trong vật đựng vô trùng thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của CITES nếu các mẫu vật đáp ứng định nghĩa 'nhân giống nhân tạo' được Hội nghị các nước thành viên thông qua.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
1207.10.90	- - Loại khác		
		Palmae (Arecaceae)/Palms/Họ Cau	
		Beccariophoenix madagascariensis [#4]/Graint windown pane/ Cọ vuông lớn	II CITES
		Ravenea louvelii/East Madagascar palm/Cọ louve	II CITES
1207.91.00	- - Hạt thuốc phiện, bao gồm:		
		Papaveraceae/Himalayan poppy/Họ Thuốc phiện	
		Meconopsis regia [#1]/Poppy/Anh túc (Nepal)	III CITES
12.11	**Các loại cây và các bộ phận của cây (kể cả hạt và quả), chủ yếu dùng làm nước hoa, làm dược phẩm hoặc thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm hoặc các mục đích tương tự, tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, đã hoặc chưa cắt, nghiền hoặc xay thành bột**		
1211.20	- Rễ cây nhân sâm:		
1211.20.10	- - Tươi hoặc khô, bao gồm:		
		Araliaceae/Ginseng/Họ Ngũ gia bì	
		Panax ginseng [#3]/Asiatic ginseng/Nhân sâm (Chỉ áp dụng đối với quần thể của Liên bang Nga; các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Panax quinquefolius[#3]/American ginseng/Sâm năm lá (Sâm mỹ)	II CITES
		Panax bipinnatifidus/Sâm vũ diệp (Vũ diệp tam thất)	IA
		Panax vietnamensis/Sâm ngọc linh (tự nhiên)	IA
		Panax vietnamensis var. fuscidiscus/Sâm lai châu	IIA
		Panax vietnamensis var. langbianensis/Sâm lang bian	IIA
1211.20.90	- - Loại khác, bao gồm:		
		Araliaceae/Ginseng/Họ Ngũ gia bì	

[#1] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Hạt, bào tử và hạt phấn (gồm cả túi phấn);

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo; và

d) Quả và các bộ phận, dẫn xuất từ cây được nhân giống nhân tạo của chi *Vanilla.*

[#3] Rễ nguyên và cắt lát và các bộ phận của rễ, không bao gồm các bộ phận hoặc dẫn xuất đã qua sản xuất như bột, viên nén, dịch chiết, thuốc bổ, trà và bánh kẹo.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Panax ginseng [#3]/Asiatic ginseng/Nhân sâm (Chỉ áp dụng đối với quần thể của Liên bang Nga; các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Panax quinquefolius [#3]/American ginseng/Sâm năm lá (Sâm mỹ)	II CITES
		Panax bipinnatifidus/Sâm vũ diệp (Vũ diệp tam thất)	IA
		Panax vietnamensis/Sâm ngọc linh (tự nhiên)	IA
		Panax vietnamensis var. fuscidiscus/Sâm lai châu	IIA
		Panax vietnamensis var. langbianensis/Sâm lang bian	IIA
1211.40.00	- Thân cây anh túc, bao gồm:		
		Papaveraceae/Himalayan poppy/Họ Thuốc phiện	
		Meconopsis regia [#1]/Poppy/Anh túc (Nepal)	III CITES
1211.60.00	- Vỏ cây Anh đào châu phi (*Prunus africana*)		
		Rosaceae/African cherry/Họ Hoa hồng	
		Prunus africana [#4]/African cherry/Anh đào châu phi	II CITES
1211.90	- Loại khác:		
	- - Loại chủ yếu dùng làm dược liệu:		
1211.90.13	- - - Rễ cây ba gạc hoa đỏ (SEN)		
		Apocynaceae/Elephant trunks, hoodias/Họ Trúc đào	
		Rauvolfia serpentina/Serpent-wood/Ba gạc thuốc	II CITES
1211.90.17	- - - Loại khác, tươi hoặc khô, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột		
		Lycopodiaceae/Họ Thông đất	
		Huperzia serrata/*Thạch tùng răng cưa*	IIA
		Berberidaceae/Họ Hoàng mộc	
		***Berberis* spp.**/Các loài Hoàng liên gai thuộc chi *Berberis*	IA

[#3] Rễ nguyên và cắt lát và các bộ phận của rễ, không bao gồm các bộ phận hoặc dẫn xuất đã qua sản xuất như bột, viên nén, dịch chiết, thuốc bổ, trà và bánh kẹo.

[#1] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Hạt, bào tử và hạt phấn (gồm cả túi phấn);

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo; và

d) Quả và các bộ phận, dẫn xuất từ từ cây được nhân giống nhân tạo của chi *Vanilla.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Podophyllum hexandrum[#2]/Himalayan may-apple/Bát giác liên sáu nhị (Hoàng liên gai)	II CITES
		***Melanthiaceae/*Họ Ngót ngoẻo**	
		***Paris* spp.**/Các loài Bảy lá một hoa (Trọng lâu) thuộc chi *Paris*	IIA
		Ranunculaceae/Yellow adonis, yellow root/Họ Hoàng liên (Họ Mao lương)	
		Adonis vernalis [#2]/Spring adonis/Hoàng liên adonis	II CITES
		Hydrastis canadensis [#8]/Doldenseal/Hoàng liên hydrastis	II CITES
		Coptis chinensis/Hoàng liên bắc	IA
		Coptis quinquesecta/Hoàng liên chân gà	IA
		Thalictrum foliolosum/Thổ hoàng liên	IIA
		Schisandraceae/Họ Ngũ vị tử	
		Kadsura *spp.* */Các loài Na rừng thuộc chi* Kadsura	IIA
		***Aristolochiaceae*/Họ Nam mộc hương**	
		***Asarum* spp.**/Các loài Tế tân thuộc chi *Asarum*	IIA
		Berberidaceae/Họ Hoàng liên gai	
		Mahonia *spp./Các loài Hoàng liên ô rô (Mã hồ, Mật gấu) thuộc chi* Mahonia	IIA
		Podophyllum difforme (Podophyllum tonkinense)/*Bát giác liên*	IIA
		Araliaceae/Ginseng/Họ Ngũ gia bì	
		Panax stipuleanatus/ Tam thất hoang	IA
		Campanulaceae/Họ Hoa chuông	
		Codonopsis javanica/Đẳng sâm (Sâm leo)	IIA
		Menispermaceae/Họ Tiết dê	
		Coscinium fenestratum/Vàng đắng	IIA
		Fibraurea recisa/ Hoàng đằng	IIA
		Fibraurea tinctoria (Fibraurea chloroleuca)/Nam hoàng liên	IIA

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:
a) Hạt và phấn hoa; và
b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.
[#8] Các bộ phận dưới đất (như rễ, thân rễ): toàn bộ, các bộ phận và bột nghiền.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		***Stephania* spp**./Các loài Bình vôi thuộc chi Stephania	IIA
		Asparagaceae/Beaucarnea/Họ Măng tây (Họ Thiên môn)	
		Disporopsis longifolia/Hoàng tinh hoa trắng	IIA
		Polygonatum kingianum/Hoàng tinh hoa đỏ	IIA
		Compositae (Asteraceae)/Kuth/Họ Cúc	
		***Saussurea costus/*Costas/**Cúc thân vuông	I CITES
		Dicksoniaceae/Tree-ferns/Họ Kim mao (Họ Lông cu li)	
		Cibotium barometz/Tree fern/Cẩu tích (Lông cu li)	II CITES; IIA
		Polypodiaceae/Họ Dương xỉ	
		Drynaria bonii/*Tắc kè đá*	IIA
		Drynaria roosii (Drynaria fortunei)/*Cốt toái bổ*	IIA
		Gnetaceae/Gnetums/Họ Dây gắm	
		Gnetum montanum/Gnetum/Gắm núi (Nepal)	III CITES
		Liliaceae/Aloes/Họ Hành tỏi (Họ Hành)	
		***Aloe* spp.**[#4]/Các loài Lô hội thuộc chi *Aloe* (trừ các loài quy định tại Phụ lục I. Loài *Aloe vera* hay còn có tên khác *Aloe barbadensis* không quy định trong các Phụ lục)	II CITES
		Aloe albida/Albida aloe/Lô hội trắng nhạt	I CITES
		Aloe albiflora/Albiflora aloe/Lô hội hoa trắng	I CITES
		Aloe alfredii/Alfred aloe/Lô hội alfred	I CITES
		Aloe bakeri/BakerIAloe/Lô hội bakeri	I CITES
		Aloe bellatula/Bellatula aloe/Lô hội tinh khiết	I CITES

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Aloe calcairophila/Calcairophila aloe/Lô hội calcairophila	I CITES
		Aloe compressa/Compressa aloe/Lô hội dẹt (bao gồm cả các thứ *paucituberculata*, *rugosquamosa*, và *schistophila*)	I CITES
		Aloe delphinensis/Delphin aloe/Lô hội delphin	I CITES
		Aloe descoingsii/Descoig aloe/Lô hội descoig	I CITES
		Aloe fragilis/Fragilis aloe/Lô hội dễ gãy	I CITES
		Aloe haworthioides/Haworthioides aloe/Lô hội haworrthioides (bao gồm cả thứ *aurantiaca*)	I CITES
		Aloe helenae/Helenea aloe/Lô hội helenea	I CITES
		Aloe laeta/Laeta aloe/Lô hội đẹp (bao gồm cả thứ *maniaensis*)	I CITES
		Aloe parallelifolia/Parallelifolia aloe/Lô hội lá song song	I CITES
		Aloe parvula/Parvula aloe/Lô hội nhỏ	I CITES
		Aloe pillansii/Pilan aloe/Lô hội pilan	I CITES
		Aloe polyphylla/Spiral aloe/Lô hội xoắn	I CITES
		Aloe rauhii/Rauh aloe/Lô hội rauhi	I CITES
		Aloe suzannae/Suzanna aloe/Lô hội suzanna	I CITES
		Aloe versicolor/Versicolor aloe/Lô hội nhiều màu	I CITES
		Aloe vossii/Voss aloe/Lô hội voss	I CITES
		Lilium brownii/Bách hợp	IIA
		Orobanchaceae/Desert cistanche/Họ Lệ dương	
		Cistanche deserticola [#4]/Desert-living cistanche/Lệ dương cistanche	II CITES

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata, *Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Scrophulariaceae/ Kutki/Họ Hoa mõm chó	
		Picrorhiza kurrooa [#2]/Kurroa picrorhiza	II CITES
		Valerianaceae/Himalayan spikenard/Họ Nữ lang	
		Nardostachys grandiflora[#2]/Indian Nard/Nữ lang hoa to	II CITES
		Orchidaceae/Họ Lan	
		Anoectochilus acalcaratus/Lan kim tuyến không cựa	II CITES; IA
		Anoectochilus calcareus/Lan kim tuyến đá vôi	II CITES; IA
		Anoectochilus setaceus/Lan kim tuyến cỏ nhung	II CITES; IA
1211.90.18	- - - Loại khác, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột		
		Lycopodiaceae/Họ Thông đất	
		Huperzia serrata/*Thạch tùng răng cưa*	IIA
		Berberidaceae/Họ Hoàng mộc	
		***Berberis* spp.**/Các loài Hoàng liên gai thuộc chi *Berberis*	IA
		Podophyllum hexandrum[#2]/Himalayan may-apple/Bát giác liên sáu nhị, Hoàng liên gai	II CITES
		***Melanthiaceae/*Họ Ngót ngoẻo**	
		***Paris* spp.**/Các loài Bảy lá một hoa (Trọng lâu) thuộc chi *Paris*	IIA
		Ranunculaceae/ Yellow adonis, yellow root/Họ Hoàng liên (Họ Mao lương)	
		Adonis vernalis [#2]/Spring adonis/Hoàng liên adonis	II CITES
		Hydrastis canadensis [#8]/Doldenseal/Hoàng liên hydrastis	II CITES
		Coptis chinensis/Hoàng liên bắc	IA
		Coptis quinquesecta/Hoàng liên chân gà	IA
		Thalictrum foliolosum/Thổ hoàng liên	IIA

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

[#8] Các bộ phận dưới đất (như rễ, thân rễ): toàn bộ, các bộ phận và bột nghiền.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Schisandraceae/Họ Ngũ vị tử	
		Kadsura *spp*./*Các loài Na rừng thuộc chi* Kadsura	IIA
		***Aristolochiaceae*/Họ Nam mộc hương**	
		***Asarum* spp.**/Các loài Tế tân thuộc chi *Asarum*	IIA
		Berberidaceae/Họ Hoàng liên gai	
		Mahonia *spp./Các loài Hoàng liên ô rô (Mã hồ, Mật gấu) thuộc chi* Mahonia	IIA
		Podophyllum difforme (Podophyllum tonkinense)/*Bát giác liên*	IIA
		Araliaceae/Ginseng/Họ Ngũ gia bì	
		Panax stipuleanatus/Tam thất hoang	IA
		Campanulaceae/Họ Hoa chuông	
		Codonopsis javanica/Đẳng sâm (Sâm leo)	IIA
		Menispermaceae/Họ Tiết dê	
		Coscinium fenestratum/Vàng đắng	IIA
		Fibraurea recisa/Hoàng đằng	IIA
		Fibraurea tinctoria (Fibraurea chloroleuca)/Nam hoàng liên	IIA
		***Stephania* spp**./Các loài Bình vôi thuộc chi *Stephania*	IIA
		Asparagaceae/Beaucarnea/Họ Măng tây (Họ Thiên môn)	
		Disporopsis longifolia/Hoàng tinh hoa trắng	IIA
		Polygonatum kingianum/Hoàng tinh hoa đỏ	IIA
		Compositae (Asteraceae)/Kuth/Họ Cúc	
		***Saussurea costus*/Costas**/Cúc thân vuông	I CITES
		Dicksoniaceae/Tree-ferns/Họ Kim mao (Họ Lông cu li)	
		Cibotium barometz/Tree fern/Cẩu tích (Lông cu li)	II CITES; IIA
		Polypodiaceae/Họ Dương xỉ	
		Drynaria bonii/*Tắc kè đá*	IIA
		Drynaria roosii (Drynaria fortunei)/*Cốt toái bổ*	IIA

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Gnetaceae/Gnetums/Họ Dây gắm	
		Gnetum montanum/Gnetum/Gắm núi (Nepal)	III CITES
		Liliaceae/Aloes/Họ Hành tỏi (Họ Hành)	
		***Aloe* spp.**[#4]/Các loài Lô hội thuộc chi *Aloe* (trừ các loài quy định tại Phụ lục I. Loài *Aloe vera* hay còn có tên khác *Aloe barbadensis* không quy định trong các Phụ lục)	II CITES
		Aloe albida/Albida aloe/Lô hội trắng nhạt	I CITES
		Aloe albiflora/Albiflora aloe/Lô hội hoa trắng	I CITES
		Aloe alfredii/Alfred aloe/Lô hội alfred	I CITES
		Aloe bakeri/BakerIAloe/Lô hội bakeri	I CITES
		Aloe bellatula/Bellatula aloe/Lô hội tinh khiết	I CITES
		Aloe calcairophila/Calcairophila aloe/Lô hội calcairophila	I CITES
		Aloe compressa/Compressa aloe/Lô hội dẹt (bao gồm cả các thứ *paucituberculata*, *rugosquamosa*, và *schistophila*)	I CITES
		Aloe delphinensis/Delphin aloe/Lô hội delphin	I CITES
		Aloe descoingsii/Descoig aloe/Lô hội descoig	I CITES
		Aloe fragilis/Fragilis aloe/Lô hội dễ gãy	I CITES

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Aloe haworthioides/Haworthioides aloe/Lô hội haworrthioides (bao gồm cả thứ *aurantiaca*)	I CITES
		Aloe helenae/Helenea aloe/Lô hội helenea	I CITES
		Aloe laeta/Laeta aloe/Lô hội đẹp (bao gồm cả thứ *maniaensis*)	I CITES
		Aloe parallelifolia/Parallelifolia aloe/Lô hội lá song song	I CITES
		Aloe parvula/Parvula aloe/Lô hội nhỏ	I CITES
		Aloe pillansii/Pilan aloe/Lô hội pilan	I CITES
		Aloe polyphylla/Spiral aloe/Lô hội xoắn	I CITES
		Aloe rauhii/Rauh aloe/Lô hội rauhi	I CITES
		Aloe suzannae/Suzanna aloe/Lô hội suzanna	I CITES
		Aloe versicolor/Versicolor aloe/Lô hội nhiều màu	I CITES
		Aloe vossii/Voss aloe/Lô hội voss	I CITES
		Lilium brownii/Bách hợp	IIA
		Orobanchaceae/ Desert cistanche/Họ Lệ dương	
		Cistanche deserticola [#4]/Desert-living cistanche/Lệ dương cistanche	II CITES

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata, *Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Scrophulariaceae/Kutki/Họ Hoa mõm chó	
		Picrorhiza kurrooa [#2]/Kurroa picrorhiza	II CITES
		Valerianaceae/Himalayan spikenard/Họ Nữ lang	
		Nardostachys grandiflora [#2]/Indian Nard/Nữ lang hoa to	II CITES
		Orchidaceae/Họ Lan	
		Anoectochilus acalcaratus/Lan kim tuyến không cựa	II CITES; IA
		Anoectochilus calcareus/Lan kim tuyến đá vôi	II CITES; IA
		Anoectochilus setaceus/Lan kim tuyến cỏ nhung	II CITES; IA
1211.90.19	- - - Loại khác, bao gồm:		
		Lycopodiaceae/Họ Thông đất	
		Huperzia serrata/*Thạch tùng răng cưa*	IIA
		Berberidaceae/Họ Hoàng mộc	
		***Berberis* spp.**/Các loài Hoàng liên gai thuộc chi *Berberis*	IA
		Podophyllum hexandrum [#2]/Himalayan may-apple/Bát giác liên sáu nhị (Hoàng liên gai)	II CITES
		***Melanthiaceae*/Họ Ngót ngoẻo**	
		***Paris* spp.**/Các loài Bảy lá một hoa (Trọng lâu) thuộc chi *Paris*	IIA
		Ranunculaceae/Yellow adonis, yellow root/Họ Hoàng liên (Họ Mao lương)	
		Adonis vernalis [#2]/Spring adonis/Hoàng liên adonis	II CITES
		Hydrastis canadensis [#8]/Doldenseal/Hoàng liên hydrastis	II CITES
		Coptis chinensis/Hoàng liên bắc	IA
		Coptis quinquesecta/Hoàng liên chân gà	IA

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

[#8] Các bộ phận dưới đất (như rễ, thân rễ): toàn bộ, các bộ phận và bột nghiền.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Thalictrum foliolosum/Thổ hoàng liên	IIA
		Schisandraceae/Họ Ngũ vị tử	
		Kadsura *spp.*/*Các loài Na rừng thuộc chi* Kadsura	IIA
		***Aristolochiaceae*/Họ Nam mộc hương**	
		***Asarum* spp.**/Các loài Tế tân thuộc chi *Asarum*	IIA
		Berberidaceae/Họ Hoàng liên gai	
		Mahonia *spp./Các loài Hoàng liên ô rô (Mã hồ, Mật gấu) thuộc chi* Mahonia	IIA
		Podophyllum difforme (Podophyllum tonkinense)/*Bát giác liên*	IIA
		Araliaceae/Ginseng/Họ Ngũ gia bì	
		***Panax stipuleanatus*/**Tam thất hoang	IA
		Campanulaceae/Họ Hoa chuông	
		Codonopsis javanica/Đẳng sâm (Sâm leo)	IIA
		Menispermaceae/Họ Tiết dê	
		Coscinium fenestratum/Vàng đắng	IIA
		***Fibraurea recisa*/**Hoàng đằng	IIA
		***Fibraurea tinctoria (Fibraurea chloroleuca)*/**Nam hoàng liên	IIA
		***Stephania* spp**./Các loài Bình vôi thuộc chi *Stephania*	IIA
		Asparagaceae/Beaucarnea/Họ Măng tây (Họ Thiên môn)	
		***Disporopsis longifolia*/**Hoàng tinh hoa trắng	IIA
		Polygonatum kingianum/Hoàng tinh hoa đỏ	IIA
		Compositae (Asteraceae)/Kuth/Họ Cúc	
		***Saussurea costus*/Costas/**Cúc thân vuông	I CITES
		Dicksoniaceae/Tree-ferns/Họ Kim mao (Họ Lông cu li)	
		***Cibotium barometz*/**Tree fern/Cẩu tích (Lông cu li)	II CITES; IIA
		Polypodiaceae/Họ Dương xỉ	
		Drynaria bonii/*Tắc kè đá*	IIA

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Drynaria roosii (Drynaria fortunei)/*Cốt toái bổ*	IIA
		Gnetaceae/Gnetums/Họ Dây gắm	
		Gnetum montanum/Gnetum/Gắm núi (Nepal)	III CITES
		Liliaceae/Aloes/Họ Hành tỏi (Họ Hành)	
		***Aloe* spp.**[#4]/Các loài Lô hội thuộc chi *Aloe* (trừ các loài quy định tại Phụ lục I. Loài *Aloe vera* hay còn có tên khác *Aloe barbadensis* không quy định trong các Phụ lục)	II CITES
		Aloe albida/Albida aloe/Lô hội trắng nhạt	I CITES
		Aloe albiflora/Albiflora aloe/Lô hội hoa trắng	I CITES
		Aloe alfredii/Alfred aloe/Lô hội alfred	I CITES
		Aloe bakeri/BakerIAloe/Lô hội bakeri	I CITES
		Aloe bellatula/Bellatula aloe/Lô hội tinh khiết	I CITES
		Aloe calcairophila/Calcairophila aloe/Lô hội calcairophila	I CITES
		Aloe compressa/Compressa aloe/Lô hội dẹt (bao gồm cả các thứ *paucituberculata*, *rugosquamosa*, và *schistophila*)	I CITES
		Aloe delphinensis/Delphin aloe/Lô hội delphin	I CITES
		Aloe descoingsii/Descoig aloe/Lô hội descoig	I CITES
		Aloe fragilis/Fragilis aloe/Lô hội dễ gãy	I CITES

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata, *Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Aloe haworthioides/Haworthioides aloe/Lô hội haworrthioides (bao gồm cả thứ *aurantiaca*)	I CITES
		Aloe helenae/Helenea aloe/Lô hội helenea	I CITES
		Aloe laeta/Laeta aloe/Lô hội đẹp (bao gồm cả thứ *maniaensis*)	I CITES
		Aloe parallelifolia/Parallelifolia aloe/Lô hội lá song song	I CITES
		Aloe parvula/Parvula aloe/Lô hội nhỏ	I CITES
		Aloe pillansii/Pilan aloe/Lô hội pilan	I CITES
		Aloe polyphylla/Spiral aloe/Lô hội xoắn	I CITES
		Aloe rauhii/Rauh aloe/Lô hội rauhi	I CITES
		Aloe suzannae/Suzanna aloe/Lô hội suzanna	I CITES
		Aloe versicolor/Versicolor aloe/Lô hội nhiều màu	I CITES
		Aloe vossii/Voss aloe/Lô hội voss	I CITES
		Lilium brownii/Bách hợp	IIA
		Orobanchaceae/ Desert cistanche/Họ Lệ dương	
		Cistanche deserticola [#4]***/***Desert-living cistanche/Lệ dương cistanche	II CITES

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata, *Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Scrophulariaceae/Kutki/Họ Hoa mõm chó	
		Picrorhiza kurrooa [#2]/Kurroa picrorhiza	II CITES
		Valerianaceae/Himalayan spikenard/Họ Nữ lang	
		Nardostachys grandiflora[#2]/Indian Nard/Nữ lang hoa to	II CITES
		Orchidaceae/Họ Lan	
		Anoectochilus acalcaratus/Lan kim tuyến không cựa	II CITES; IA
		Anoectochilus calcareus/Lan kim tuyến đá vôi	II CITES; IA
		Anoectochilus setaceus/Lan kim tuyến cỏ nhung	II CITES; IA
	- - Loại khác		
1211.90.94	- - - Mảnh gỗ đàn hương		
		Santalaceae/African sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata [#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
1211.90.95	- - - Mảnh gỗ trầm hương (Gaharu) (SEN)		
		Thymelaeaceae (Aquilariaceae)/Agarwood, ramin/ Họ Trầm	
		Aquilaria spp.[#14]/Agarwood/Các loài Trầm thuộc chi *Aquilaria*	II CITES
		***Gonystylus* spp.**[#4]/Ramin/Các loài Trầm thuộc chi *Gonystylus*	II CITES

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

[#14] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và hạt phấn;

b) Cây con hoặc mô nuôi cấy *in vitro* được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Quả;

d) Lá;

e) Bột trầm hương đã tách tinh dầu, kể cả các sản phẩm tạo hình được nén từ bột; và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ, miễn trừ này không áp dụng với dăm gỗ, hột tràng hạt, tràng hạt và sản phẩm điêu khắc.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Gyrinops spp.[#14]/Các loài Trầm thuộc chi *Gyrinops*	II CITES
1211.90.98	- - - Loại khác, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột, bao gồm:		
		Santalaceae/African sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata [#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Thymelaeaceae (*Aquilaria*ceae)/Agarwood, ramin/ Họ Trầm	
		Aquilaria spp.[#14]/Agarwood/Các loài Trầm thuộc chi *Aquilaria*	II CITES

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#14] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và hạt phấn;

b) Cây con hoặc mô nuôi cấy *in vitro* được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Quả;

d) Lá;

e) Bột trầm hương đã tách tinh dầu, kể cả các sản phẩm tạo hình được nén từ bột; và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ, miễn trừ này không áp dụng với dăm gỗ, hột tràng hạt, tràng hạt và sản phẩm điêu khắc.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		***Gonystylus* spp.**[#4]/Ramin/Các loài Trầm thuộc chi *Gonystylus*	II CITES
		Gyrinops spp.[#14]/Các loài Trầm thuộc chi *Gyrinops*	II CITES
1211.90.99	- - - Loại khác		
		Santalaceae/African sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata [#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Thymelaeaceae (*Aquilaria*ceae)/Agarwood, ramin/Họ Trầm	
		Aquilaria spp.[#14]/Agarwood/Các loài Trầm thuộc chi *Aquilaria*	II CITES

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#14] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và hạt phấn;

b) Cây con hoặc mô nuôi cấy *in vitro* được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Quả;

d) Lá;

e) Bột trầm hương đã tách tinh dầu, kể cả các sản phẩm tạo hình được nén từ bột; và

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		***Gonystylus* spp.**[#4]/Ramin/Các loài Trầm thuộc chi *Gonystylus*	II CITES
		Gyrinops spp.[#14]/Các loài Trầm thuộc chi *Gyrinops*	II CITES

3. Tinh dầu chiết xuất từ thực vật

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
33.01	**Tinh dầu (đã hoặc chưa khử terpen), kể cả tinh dầu sáp và tinh dầu nguyên chất; chất tựa nhựa; nhựa dầu đã chiết; tinh dầu cô đặc trong chất béo, trong các loại dầu không bay hơi, trong các loại sáp hoặc các chất tương tự, thu được bằng phương pháp tách hương liệu hoặc ngâm tẩm; sản phẩm phụ terpen từ quá trình khử terpen các loại tinh dầu; nước cất tinh dầu và dung dịch nước của các loại tinh dầu**		
	- Tinh dầu khác trừ tinh dầu của các loại quả chi cam quýt:		
3301.29.20	- - - Của cây đàn hương		

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ, miễn trừ này không áp dụng với dăm gỗ, hột tràng hạt, tràng hạt và sản phẩm điêu khắc.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Santalaceae/African sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata [#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
3301.29.90	- - - Loại khác, bao gồm:		
		Thymelaeaceae (*Aquilaria*ceae)/Agarwood, ramin/Họ Trầm	
		Aquilaria spp.[#14]/Agarwood/Các loài Trầm thuộc chi *Aquilaria*	II CITES
		***Gonystylus* spp.**[#4]/Ramin/Các loài Trầm thuộc chi *Gonystylus*	II CITES
		Gyrinops spp.[#14]/Các loài Trầm thuộc chi *Gyrinops*	II CITES

[#14] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và hạt phấn;

b) Cây con hoặc mô nuôi cấy *in vitro* được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Quả;

d) Lá;

e) Bột trầm hương đã tách tinh dầu, kể cả các sản phẩm tạo hình được nén từ bột; và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ, miễn trừ này không áp dụng với dăm gỗ, hột tràng hạt, tràng hạt và sản phẩm điêu khắc.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata, *Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

4. Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
44.01	**Gỗ nhiên liệu, dạng khúc, thanh nhỏ, cành, bó hoặc các dạng tương tự; vỏ bào hoặc dăm gỗ; mùn cưa, phế liệu và mảnh vụn gỗ, đã hoặc chưa đóng thành khối, bánh (briquettes), viên hoặc các dạng tương tự**		
	- Gỗ nhiên liệu, dạng khúc, thanh nhỏ, cành, bó hoặc các dạng tương tự:		
4401.11.00	- - Từ cây lá kim, bao gồm:		
		Araucariaceae/Monkey-puzzle tree/Họ Bách tán	
		Araucaria araucana/Monkey-puzzel tree/Bách tán araucana	I CITES
		Cupressaceae/Cypresses/Họ Hoàng đàn	
		Fitzroya cupressoides/Alerce/Tùng fitzroya	I CITES
		Pilgerodendron uviferum/Pilgerodendron/Tùng pilgerodendron	I CITES
		Widdringtonia whytei/Hoàng đàn malawi	II CITES
		Cunninghamia konishii/Sa mộc dầu	IA
		Cupressus tonkinensis/Hoàng đàn hữu liên	IA
		Glyptostrobus pensilis/Thông nước	IA
		Taiwania cryptomerioides/Bách đài loan	IA
		Xanthocyparis vietnamensis (Cupressus vietnamensis)/Bách vàng	IA
		Calocedrus macrolepis/Bách xanh	IIA
		Calocedrus rupestris/Bách xanh núi đá	IIA
		Fokienia hodginsii/Pơ mu	IIA
		Pinaceae/Firs and pines/Họ Thông	
		Abies guatemalensis/Guatemalan fir/Linh sam guatemala	I CITES
		Pinus koraiensis [#5]***/***Korean pine/Thông triều tiên (Liên bang Nga)	III CITES
		Abies delavayi subsp. Fansipanensis/Vân sam phan si păng	IA

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Keteleeria davidiana/Du sam đá vôi	IA
		Pinus cernua/Thông xuân nha (5 lá rủ)	IIA
		Pinus dalatensis/Thông đà lạt	IIA
		Pinus hwangshanensis/Thông hai lá quả nhỏ (Thông đá vôi quả nhỏ)	IIA
		Pinus krempfii/Thông lá dẹt	IIA
		Pseudotsuga brevifolia/Thiết sam giả lá ngắn	IIA
		Podocarpaceae/Podocarps/Họ Kim giao	
		Podocarpus neriifolius [#1]/Faux Pemou/Thông tre (Nepal)	III CITES
		Podocarpus pilgeri/Thông tre lá ngắn	IIA
		Podocarpus parlatorei/Parlatore's podocarp/Kim giao parlatore	I CITES
		Taxaceae/Himalayan yew/Họ Thông đỏ	
		Taxus chinensis [#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Chinese yew/Thông đỏ lá ngắn (Thông đỏ trung hoa)	II CITES; IIA
		Taxus cuspidata [P6#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Japanese yew or Spreading yew/Thông đỏ nhật bản	II CITES
		Taxus fuana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/West Himalayan yew/Thông đỏ tây himalaya	II CITES
		Taxus sumatrana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Sumatera yew/Thông đỏ sumatra	II CITES
		Taxus wallichiana[#2]/Himalayan yew/Thông đỏ lá dài (Thông đỏ himalaya)	II CITES; IIA
		Cephalotaxaceae/Họ Đỉnh tùng	
		Cephalotaxus mannii/Đỉnh tùng (Phỉ ba mũi)	IIA

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

[P6] Các giống và giống lai được nhân giống nhân tạo của loài *Taxus cuspidata*, dạng sống, trong chậu hoặc các vật chứa nhỏ khác, mỗi lô hàng được dán nhãn hoặc tài liệu ghi rõ tên của đơn vị phân loại hoặc đơn vị phân loại và mang dòng chữ 'nhân giống nhân tạo', không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
4401.12.00	- - Từ cây không thuộc loài lá kim, bao gồm:		
		Bignoniaceae/Trumpet trees/Họ Núc nác (Họ Đinh)	
		Handroanthus spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Handroanthus* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Roseodendron spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Roseodendron* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Tabebuia spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Tabebuia* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Fernandoa spp./Các loài Đinh thuộc chi *Fernandoa*	IIA
		Caryocaraceae/Ajo/Họ Ajo	
		Caryocar costarricense[#4]/Ajo/Caryocar/Cây ajo	II CITES
		Ebenaceae/Ebonies/Họ Thị	
		Diospyros spp.[#5]/Malagasy ebony/Các loài Mun madagascar (Chỉ áp dụng với quần thể của Madagascar, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Diospyros mun/Mun	II CITES; IIA

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Diospyros sailetii/Mun sọc	II CITES; IIA
		Fagaceae/Mongolian oak/Họ Dẻ	
		Quercus mongolica[#5]/Mongolian oak/Sồi mông cổ (Liên bang Nga)	III CITES
		Juglandaceae/Gavilan/Họ Hồ đào	
		Oreomunnea pterocarpa[#4]/Gavilan (walnut)/Óc chó	II CITES
		Lauraceae/Brazilian rosewood/Họ Long não (Họ Nguyệt quế)	
		Aniba rosaeodora[#12]/Car-Cara/Gỗ đỏ	II CITES
		Cinnamomum balansae/Gù hương (Quế balansa)	IIA
		Cinnamomum glaucescens/Re xanh phấn	IIA
		Cinnamomum parthenoxylon/Vù hương (Xá xị, Re hương)	IIA
		Leguminosae (Fabaceae) Afrormosia, cristobal, rosewood, sandalwood/Họ Đậu	
		***Afzelia* spp.**[#17]/Pod mahoganies/Các loài thuộc chi Gõ đỏ *Afzelia* (Chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		***Dalbergia* spp.**[#15]/Malagasy rosewood/Các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* (Trừ các loài được quy định trong Phụ lục I)	II CITES
		Dalbergia nigra/Brazilian rosewood/Trắc đen brazin	I CITES
		Afzelia xylocarpa/Gõ đỏ (Cà te)	IIA
		Dalbergia cochinchinensis/Trắc	II CITES; IIA

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#12] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, gỗ ép và chiết xuất. Sản phẩm hoàn chỉnh chứa thành phần chiết xuất, kể cả chất tạo hương, không thuộc điều chỉnh của chú giải này.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#15] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Lá, hoa, phấn hoa, quả và hạt;

b) Các sản phẩm hoàn chỉnh có khối lượng gỗ của loài được liệt kê tối đa là 10 kg cho mỗi lô hàng;

c) Các dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh, các bộ phận dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh và các linh kiện dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh;

d) Các bộ phận và dẫn xuất của gỗ trắc *Dalbergia cochinchinensis* được quy định tại chú giải #4; và

e) Các bộ phận và dẫn xuất của các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* có nguồn gốc và được xuất khẩu từ Mexico được quy định tại chú giải #6;

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Dalbergia oliveri/Cẩm lai	II CITES; IIA
		Dalbergia rimosa/Trắc dây	II CITES; IIA
		Dalbergia tonkinensis/Sưa	II CITES; IIA
		Pterocarpus macrocarpus/Giáng hương quả to	IIA
		Sindora siamensis/Gụ mật (Gõ mật)	IIA
		Sindora tonkinensis/Gụ lau	IIA
		***Dipteryx* spp.**[#17]/Cumaru/Các loài thuộc chi *Dipteryx* (Có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Guibourtia demeuse[#15]/Guibourtia tree/Cây guibourtia	II CITES
		Guibourtia pellegriniana[#15]/Bubinga tree/Cây bubinga	II CITES
		Guibourtia tessmannii[#15]/Guibourtia tree/Cây gỗ guibourtia	II CITES
		Paubrasilia echinata[#10]/Pau Brasil	II CITES
		Pericopsis elata[#17]/African teak/Tếch châu phi	II CITES
		Platymiscium parviflorum[#4]/Quira macawood/Cây platysicium	II CITES

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#10] Tất cả các bộ phận, dẫn xuất và sản phẩm hoàn chỉnh, ngoại trừ các nhạc cụ hoàn chỉnh, các linh kiện nhạc cụ và các bộ phận nhạc cụ hoàn chỉnh để tái xuất khẩu.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Pterocarpus* spp.**[#17]/Padauk/Các loài thuộc chi Giáng hương *Pterocarpus* (trừ ***Pterocarpus santalinus quy định tại Phụ lục II với chú giải #7; chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể khác không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Pterocarpus santalinus[#7]/Red sandal wood/Giáng hương santa	II CITES
		Magnoliaceae/Magnolias/Họ Mộc lan	
		Magnolia liliifera* var. *obovata[#1]/Magnolia/Mộc lan trứng ngược (Nepal)	III CITES
		Meliaceae/Mahoganies, West Indian cedar/Họ Xoan	
		***Cedrela* spp.**[#6] (Chỉ áp dụng đối với các quần thể ở Trung và Nam Mỹ, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		***Khaya* spp.**[#17]/African mahoganies/Các loài thuộc chi Xà cừ *Khaya* (chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Swietenia humilis[#4]/Pacific coast mahogany/Dái ngựa lùn	II CITES

[#7] Gỗ tròn, dăm gỗ, bột gỗ và các sản phẩm chiết xuất từ gỗ.

[#1] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Hạt, bào tử và hạt phấn (gồm cả túi phấn);

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo; và

d) Quả và các bộ phận, dẫn xuất từ cây được nhân giống nhân tạo của chi *Vanilla.*

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Swietenia macrophylla [#6]/Bigleaf mahogany/Dái ngựa (Các quần thể ở Trung và Nam Mỹ các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Swietenia mahagoni [#5]/Small mahogany/Dái ngựa nhỏ	II CITES
		Oleaceae/Machurian ash/Họ Nhài	
		Fraxinus mandshurica [#5]/Sồi fraxinus (Liên bang Nga)	III CITES
		Rosaceae/African cherry/Họ Hoa hồng	
		Prunus africana [#4]/African cherry/Anh đào châu phi	II CITES
		Santalaceae/African sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata [#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Thymelaeaceae (*Aquilaria*ceae)/Agarwood, ramin/Họ Trầm	
		Aquilaria spp.[#14]/Agarwood/Các loài Trầm thuộc chi *Aquilaria*	II CITES

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#14] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và hạt phấn;

b) Cây con hoặc mô nuôi cấy *in vitro* được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Quả;

d) Lá;

e) Bột trầm hương đã tách tinh dầu, kể cả các sản phẩm tạo hình được nén từ bột; và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ, miễn trừ này không áp dụng với dăm gỗ, hột tràng hạt, tràng hạt và sản phẩm điêu khắc.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		***Gonystylus* spp.**[#4]/Ramin/Các loài Trầm thuộc chi *Gonystylus*	II CITES
		Gyrinops spp.[#14]/Các loài Trầm thuộc chi *Gyrinops*	II CITES
		Zygophyllaceae/Lignum-vitae/Họ Tật lê	
		Bulnesia sarmientoi[#11]/Palo Santo or Holy wood/Loài gỗ thánh	II CITES
		***Guaiacum* spp.**[#2]/Guai/Các loài thuộc chi *Guaiacum*	II CITES
		Dipterocarpaceae/Họ Dầu	
		Hopea cordata/Sao hình tim	IA
		Hopea pierrei/Kiền kiền phú quốc	IA
		Hopea reticulata/Sao mạng cà ná	IA
		Shorea falcata/Chai lá cong	IA

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#11] Gỗ tròn, gỗ xẻ, tấm ván lạng, ván ép, bột gỗ và các chiết xuất. Gỗ thành phẩm có chứa chiết xuất làm thành phần, bao gồm cả nước hoa, không thuộc điều chỉnh bởi chú giải này.

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Clusiaceae/Họ Măng cụt	
		Garcinia fagraeoides/Trai	IIA
		Tiliaceae/Họ Đay	
		Burretiodendron tonkinense (Excentrodendron tonkinense)/ Nghiến	IIA
	- Vỏ bào hoặc dăm gỗ:		
4401.21.00	- - Từ cây lá kim		
		Cupressaceae/Cypresses/Họ Hoàng đàn	
		Widdringtonia whytei/Hoàng đàn malawi	II CITES
		Cupressus tonkinensis/Hoàng đàn hữu liên	IA
4401.22.00	- - Từ cây không thuộc loài lá kim		
		Leguminosae (Fabaceae) Afrormosia, cristobal, rosewood, sandalwood/Họ Đậu	
		***Dalbergia* spp.**[#15]/Malagasy rosewood/Các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* (Trừ các loài được quy định trong Phụ lục I)	II CITES
		Dalbergia nigra/Brazilian rosewood/Trắc đen brazin	I CITES
		Dalbergia cochinchinensis/Trắc	II CITES; IIA
		Dalbergia oliveri/Cẩm lai	II CITES; IIA
		Dalbergia rimosa/Trắc dây	II CITES; IIA
		Dalbergia tonkinensis/Sưa	II CITES; IIA
		Santalaceae/African sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata [#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES

[#15] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Lá, hoa, phấn hoa, quả và hạt;

b) Các sản phẩm hoàn chỉnh có khối lượng gỗ của loài được liệt kê tối đa là 10 kg cho mỗi lô hàng;

c) Các dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh, các bộ phận dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh và các linh kiện dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh;

d) Các bộ phận và dẫn xuất của gỗ trắc *Dalbergia cochinchinensis* được quy định tại chú giải #4; và

e) Các bộ phận và dẫn xuất của các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* có nguồn gốc và được xuất khẩu từ Mexico được quy định tại chú giải #6;

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Thymelaeaceae (*Aquilaria*ceae)/Agarwood, ramin/ Họ Trầm	
		Aquilaria spp.[#14]/Agarwood/Các loài Trầm thuộc chi *Aquilaria*	II CITES
		***Gonystylus* spp.**[#4]/Ramin/Các loài Trầm thuộc chi *Gonystylus*	II CITES
		Gyrinops spp.[#14]/Các loài Trầm thuộc chi *Gyrinops*	II CITES
	- Mùn cưa, phế liệu và mảnh vụn gỗ, đã đóng thành dạng khúc, bánh (briquettes), viên hoặc các dạng tương tự:		
4401.31.00	- - Viên gỗ		
		Cupressaceae/Cypresses/Họ Hoàng đàn	
		Widdringtonia whytei/Hoàng đàn malawi	II CITES
		Cupressus tonkinensis/Hoàng đàn hữu liên	IA

[#14] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và hạt phấn;

b) Cây con hoặc mô nuôi cấy *in vitro* được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Quả;

d) Lá;

e) Bột trầm hương đã tách tinh dầu, kể cả các sản phẩm tạo hình được nén từ bột; và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ, miễn trừ này không áp dụng với dăm gỗ, hột tràng hạt, tràng hạt và sản phẩm điêu khắc.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Leguminosae (Fabaceae) Afrormosia, cristobal, rosewood, sandalwood/Họ Đậu	
		***Dalbergia* spp.**[#15]/Malagasy rosewood/Các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* (Trừ các loài được quy định trong Phụ lục I)	II CITES
		***Dalbergia nigra*/**Brazilian rosewood/Trắc đen brazin	I CITES
		Dalbergia cochinchinensis/Trắc	II CITES; IIA
		***Dalbergia oliveri*/**Cẩm lai	II CITES; IIA
		***Dalbergia rimosa*/**Trắc dây	II CITES; IIA
		Dalbergia tonkinensis/Sưa	II CITES; IIA
		Santalaceae/African sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata [#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Thymelaeaceae (*Aquilaria*ceae)/Agarwood, ramin/ Họ Trầm	
		Aquilaria spp.[#14]/Agarwood/Các loài Trầm thuộc chi *Aquilaria*	II CITES

[#15] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Lá, hoa, phấn hoa, quả và hạt;

b) Các sản phẩm hoàn chỉnh có khối lượng gỗ của loài được liệt kê tối đa là 10 kg cho mỗi lô hàng;

c) Các dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh, các bộ phận dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh và các linh kiện dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh;

d) Các bộ phận và dẫn xuất của gỗ trắc *Dalbergia cochinchinensis* được quy định tại chú giải #4; và

e) Các bộ phận và dẫn xuất của các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* có nguồn gốc và được xuất khẩu từ Mexico được quy định tại chú giải #6;

[#14] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và hạt phấn;

b) Cây con hoặc mô nuôi cấy *in vitro* được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Quả;

d) Lá;

e) Bột trầm hương đã tách tinh dầu, kể cả các sản phẩm tạo hình được nén từ bột; và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ, miễn trừ này không áp dụng với dăm gỗ, hột tràng hạt, tràng hạt và sản phẩm điêu khắc.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		***Gonystylus* spp.**[#4]/Ramin/Các loài Trầm thuộc chi *Gonystylus*	II CITES
		Gyrinops spp.[#14]/Các loài Trầm thuộc chi *Gyrinops*	II CITES
4401.32.00	- - Đóng thành bánh (briquettes)		
		Cupressaceae/Cypresses/Họ Hoàng đàn	
		Widdringtonia whytei/Hoàng đàn malawi	II CITES
		Cupressus tonkinensis/Hoàng đàn hữu liên	IA
		Leguminosae (Fabaceae) Afrormosia, cristobal, rosewood, sandalwood/Họ Đậu	
		***Dalbergia* spp.**[#15] /Malagasy rosewood/Các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* (Trừ các loài được quy định trong Phụ lục I)	II CITES
		Dalbergia nigra/Brazilian rosewood/Trắc đen brazin	I CITES
		Dalbergia cochinchinensis/Trắc	II CITES; IIA

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#15] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Lá, hoa, phấn hoa, quả và hạt;

b) Các sản phẩm hoàn chỉnh có khối lượng gỗ của loài được liệt kê tối đa là 10 kg cho mỗi lô hàng;

c) Các dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh, các bộ phận dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh và các linh kiện dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh;

d) Các bộ phận và dẫn xuất của gỗ trắc *Dalbergia cochinchinensis* được quy định tại chú giải #4; và

e) Các bộ phận và dẫn xuất của các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* có nguồn gốc và được xuất khẩu từ Mexico được quy định tại chú giải #6;

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Dalbergia oliveri/Cẩm lai	II CITES; IIA
		Dalbergia rimosa/Trắc dây	II CITES; IIA
		Dalbergia tonkinensis/Sưa	II CITES; IIA
		Santalaceae/African sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata [#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Thymelaeaceae (*Aquilaria*ceae)/Agarwood, ramin/ Họ Trầm	
		Aquilaria spp. [#14]/Agarwood/Các loài Trầm thuộc chi *Aquilaria*	II CITES
		***Gonystylus* spp.** [#4]/Ramin/Các loài Trầm thuộc chi *Gonystylus*	II CITES
		Gyrinops spp. [#14]/Các loài Trầm thuộc chi *Gyrinops*	II CITES

[#14] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và hạt phấn;

b) Cây con hoặc mô nuôi cấy *in vitro* được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Quả;

d) Lá;

e) Bột trầm hương đã tách tinh dầu, kể cả các sản phẩm tạo hình được nén từ bột; và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ, miễn trừ này không áp dụng với dăm gỗ, hột tràng hạt, tràng hạt và sản phẩm điêu khắc.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loà Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
4401.39.00	- - Loại khác, bao gồm:		
		Cupressaceae/Cypresses/Họ Hoàng đàn	
		Widdringtonia whytei/Hoàng đàn malawi	II CITES
		Cupressus tonkinensis/Hoàng đàn hữu liên	IA
		Leguminosae (Fabaceae) Afrormosia, cristobal, rosewood, sandalwood/Họ Đậu	
		***Dalbergia* spp.**[#15]/Malagasy rosewood/Các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* (Trừ các loài được quy định trong Phụ lục I)	II CITES
		Dalbergia nigra/Brazilian rosewood/Trắc đen brazin	I CITES
		Dalbergia cochinchinensis/Trắc	II CITES; IIA
		Dalbergia oliveri/Cẩm lai	II CITES; IIA
		Dalbergia rimosa/Trắc dây	II CITES; IIA
		Dalbergia tonkinensis/Sưa	II CITES; IIA
		Santalaceae/African sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata [#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Thymelaeaceae (*Aquilaria*ceae)/Agarwood, ramin/ Họ Trầm	

[#15] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Lá, hoa, phấn hoa, quả và hạt;

b) Các sản phẩm hoàn chỉnh có khối lượng gỗ của loài được liệt kê tối đa là 10 kg cho mỗi lô hàng;

c) Các dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh, các bộ phận dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh và các linh kiện dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh;

d) Các bộ phận và dẫn xuất của gỗ trắc *Dalbergia cochinchinensis* được quy định tại chú giải #4; và

e) Các bộ phận và dẫn xuất của các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* có nguồn gốc và được xuất khẩu từ Mexico được quy định tại chú giải #6;

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Aquilaria spp.[#14]/Agarwood/Các loài Trầm thuộc chi *Aquilaria*	II CITES
		***Gonystylus* spp.**[#4]/Ramin/Các loài Trầm thuộc chi *Gonystylus*	II CITES
		Gyrinops spp.[#14]/Các loài Trầm thuộc chi *Gyrinops*	II CITES
	- Mùn cưa, phế liệu và mảnh vụn gỗ, chưa đóng thành khối:		
4401.41.00	- - Mùn cưa, bao gồm:		
		Cupressaceae/Cypresses/Họ Hoàng đàn	
		Widdringtonia whytei/Hoàng đàn malawi	II CITES
		Cupressus tonkinensis/Hoàng đàn hữu liên	IA

[#14] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và hạt phấn;

b) Cây con hoặc mô nuôi cấy *in vitro* được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Quả;

d) Lá;

e) Bột trầm hương đã tách tinh dầu, kể cả các sản phẩm tạo hình được nén từ bột; và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ, miễn trừ này không áp dụng với dăm gỗ, hột tràng hạt, tràng hạt và sản phẩm điêu khắc.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Leguminosae (Fabaceae) Afrormosia, cristobal, rosewood, sandalwood/Họ Đậu	
		***Dalbergia* spp.**[#15]/Malagasy rosewood/Các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* (Trừ các loài được quy định trong Phụ lục I)	II CITES
		***Dalbergia nigra*/**Brazilian rosewood/Trắc đen brazin	I CITES
		Dalbergia cochinchinensis/Trắc	II CITES; IIA
		Dalbergia oliveri/Cẩm lai	II CITES; IIA
		***Dalbergia rimosa*/**Trắc dây	II CITES; IIA
		Dalbergia tonkinensis/Sưa	II CITES; IIA
		Santalaceae/African sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata [#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Thymelaeaceae (*Aquilaria*ceae)/Agarwood, ramin/Họ Trầm	
		Aquilaria spp.[#14]/Agarwood/Các loài Trầm thuộc chi *Aquilaria*	II CITES

[#15] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Lá, hoa, phấn hoa, quả và hạt;

b) Các sản phẩm hoàn chỉnh có khối lượng gỗ của loài được liệt kê tối đa là 10 kg cho mỗi lô hàng;

c) Các dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh, các bộ phận dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh và các linh kiện dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh;

d) Các bộ phận và dẫn xuất của gỗ trắc *Dalbergia cochinchinensis* được quy định tại chú giải #4; và

e) Các bộ phận và dẫn xuất của các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* có nguồn gốc và được xuất khẩu từ Mexico được quy định tại chú giải #6;

[#14] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và hạt phấn;

b) Cây con hoặc mô nuôi cấy *in vitro* được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Quả;

d) Lá;

e) Bột trầm hương dã tách tinh dầu, kể cả các sản phẩm tạo hình được nén từ bột; và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ, miễn trừ này không áp dụng với dăm gỗ, hột tràng hạt, tràng hạt và sản phẩm điêu khắc.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		***Gonystylus* spp.**[#4]/Ramin/Các loài Trầm thuộc chi *Gonystylus*	II CITES
		Gyrinops spp.[#14]/Các loài Trầm thuộc chi *Gyrinops*	II CITES
4401.49.00	- - Loại khác, bao gồm:		
		Cupressaceae/Cypresses/Họ Hoàng đàn	
		***Widdringtonia whytei*/**Hoàng đàn malawi	II CITES
		***Cupressus tonkinensis*/**Hoàng đàn hữu liên	IA
		Leguminosae (Fabaceae) Afrormosia, cristobal, rosewood, sandalwood/Họ Đậu	
		***Dalbergia* spp.**[#15]/Malagasy rosewood/Các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* (Trừ các loài được quy định trong Phụ lục I)	II CITES

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#15] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Lá, hoa, phấn hoa, quả và hạt;

b) Các sản phẩm hoàn chỉnh có khối lượng gỗ của loài được liệt kê tối đa là 10 kg cho mỗi lô hàng;

c) Các dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh, các bộ phận dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh và các linh kiện dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh;

d) Các bộ phận và dẫn xuất của gỗ trắc *Dalbergia cochinchinensis* được quy định tại chú giải #4; và

e) Các bộ phận và dẫn xuất của các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* có nguồn gốc và được xuất khẩu từ Mexico được quy định tại chú giải #6;

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Dalbergia nigra/Brazilian rosewood/Trắc đen brazin	I CITES
		Dalbergia cochinchinensis/Trắc	II CITES; IIA
		Dalbergia oliveri/Cẩm lai	II CITES; IIA
		Dalbergia rimosa/Trắc dây	II CITES; IIA
		Dalbergia tonkinensis/Sưa	II CITES; IIA
		Santalaceae/African sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata [#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Thymelaeaceae (*Aquilaria*ceae)/Agarwood, ramin/Họ Trầm	
		Aquilaria spp.[#14]/Agarwood/Các loài Trầm thuộc chi *Aquilaria*	II CITES
		***Gonystylus* spp.**[#4]/Ramin/Các loài Trầm thuộc chi *Gonystylus*	II CITES
		Gyrinops spp.[#14]/Các loài Trầm thuộc chi *Gyrinops*	II CITES

[#14] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và hạt phấn;

b) Cây con hoặc mô nuôi cấy *in vitro* được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Quả;

d) Lá;

e) Bột trầm hương đã tách tinh dầu, kể cả các sản phẩm tạo hình được nén từ bột; và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ, miễn trừ này không áp dụng với dăm gỗ, hột tràng hạt, tràng hạt và sản phẩm điêu khắc.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loà Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
44.03	**Gỗ cây dạng thô, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc dác gỗ hoặc đẽo vuông thô**		
	- Đã xử lý bằng sơn, chất màu, chất creozot hoặc các chất bảo quản khác:		
4403.11	- - Từ cây lá kim:		
4403.11.10	- - - Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng, bao gồm:		
		Araucariaceae/Monkey-puzzle tree/Họ Bách tán	
		Araucaria araucana/Monkey-puzzel tree/Bách tán araucana	I CITES
		Cupressaceae/Cypresses/Họ Hoàng đàn	
		Fitzroya cupressoides/Alerce/Tùng fitzroya	I CITES
		Pilgerodendron uviferum/Pilgerodendron/Tùng pilgerodendron	I CITES
		Widdringtonia whytei/Hoàng đàn malawi	II CITES
		Cunninghamia konishii/Sa mộc dầu	IA
		Cupressus tonkinensis/Hoàng đàn hữu liên	IA
		Glyptostrobus pensilis/Thông nước	IA
		Taiwania cryptomerioides/Bách đài loan	IA
		Xanthocyparis vietnamensis (Cupressus vietnamensis)/Bách vàng	IA
		Calocedrus macrolepis/Bách xanh	IIA
		Calocedrus rupestris/Bách xanh núi đá	IIA
		Fokienia hodginsii/Pơ mu	IIA
		Pinaceae/Firs and pines/Họ Thông	
		Abies guatemalensis/Guatemalan fir/Linh sam guatemala	I CITES
		Pinus koraiensis [#5]/Korean pine/Thông triều tiên (Liên bang Nga)	III CITES
		Abies delavayi subsp. Fansipanensis/Vân sam phan si păng	IA

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Keteleeria davidiana/Du sam đá vôi	IA
		Pinus cernua/Thông xuân nha (5 lá rủ)	IIA
		Pinus dalatensis/Thông đà lạt	IIA
		Pinus hwangshanensis/Thông hai lá quả nhỏ (Thông đá vôi quả nhỏ)	IIA
		Pinus krempfii/Thông lá dẹt	IIA
		Pseudotsuga brevifolia/Thiết sam giả lá ngắn	IIA
		Podocarpaceae/ Podocarps/Họ Kim giao	
		Podocarpus neriifolius [#1]/Faux Pemou/Thông tre (Nepal)	III CITES
		Podocarpus pilgeri/Thông tre lá ngắn	IIA
		Podocarpus parlatorei/Parlatore's podocarp/Kim giao parlatore	I CITES
		Taxaceae/ Himalayan yew/Họ Thông đỏ	
		Taxus chinensis [#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Chinese yew/Thông đỏ lá ngắn (Thông đỏ trung hoa)	II CITES; IIA
		Taxus cuspidata [P6#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Japanese yew or Spreading yew/Thông đỏ nhật bản	II CITES
		Taxus fuana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/West Himalayan yew/Thông đỏ tây himalaya	II CITES
		Taxus sumatrana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Sumatera yew/Thông đỏ sumatra	II CITES
		Taxus wallichiana[#2]/Himalayan yew/Thông đỏ lá dài (Thông đỏ himalaya)	II CITES; IIA

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

[P6] Các giống và giống lai được nhân giống nhân tạo của loài *Taxus cuspidata*, dạng sống, trong chậu hoặc các vật chứa nhỏ khác, mỗi lô hàng được dán nhãn hoặc tài liệu ghi rõ tên của đơn vị phân loại hoặc đơn vị phân loại và mang dòng chữ 'nhân giống nhân tạo', không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Cephalotaxaceae/Họ Đỉnh tùng	
		Cephalotaxus mannii/Đỉnh tùng (Phỉ ba mũi)	IIA
4403.11.90	- - - Loại khác, bao gồm:		
		Araucariaceae/Monkey-puzzle tree/Họ Bách tán	
		Araucaria araucana/Monkey-puzzel tree/Bách tán araucana	I CITES
		Cupressaceae/Cypresses/Họ Hoàng đàn	
		Fitzroya cupressoides/Alerce/Tùng fitzroya	I CITES
		Pilgerodendron uviferum/Pilgerodendron/Tùng pilgerodendron	I CITES
		Widdringtonia whytei/Hoàng đàn malawi	II CITES
		Cunninghamia konishii/Sa mộc dầu	IA
		Cupressus tonkinensis/Hoàng đàn hữu liên	IA
		Glyptostrobus pensilis/Thông nước	IA
		Taiwania cryptomerioides/Bách đài loan	IA
		Xanthocyparis vietnamensis (Cupressus vietnamensis)/ Bách vàng	IA
		Calocedrus macrolepis/Bách xanh	IIA
		Calocedrus rupestris/Bách xanh núi đá	IIA
		Fokienia hodginsii/Pơ mu	IIA
		Pinaceae/ Firs and pines/Họ Thông	
		Abies guatemalensis/Guatemalan fir/Linh sam guatemala	I CITES
		Pinus koraiensis [#5]/Korean pine/Thông triều tiên (Liên bang Nga)	III CITES
		Abies delavayi subsp. Fansipanensis/Vân sam phan si păng	IA
		Keteleeria davidiana/Du sam đá vôi	IA

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Pinus cernua/Thông xuân nha (5 lá rủ)	IIA
		Pinus dalatensis/Thông đà lạt	IIA
		Pinus hwangshanensis/Thông hai lá quả nhỏ (Thông đá vôi quả nhỏ)	IIA
		Pinus krempfii/Thông lá dẹt	IIA
		Pseudotsuga brevifolia/Thiết sam giả lá ngắn	IIA
		Podocarpaceae/Podocarps/Họ Kim giao	
		Podocarpus neriifolius [#1]/Faux Pemou/Thông tre (Nepal)	III CITES
		Podocarpus pilgeri/Thông tre lá ngắn	IIA
		Podocarpus parlatorei/Parlatore's podocarp/Kim giao parlatore	I CITES
		Taxaceae/ Himalayan yew/Họ Thông đỏ	
		Taxus chinensis [#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Chinese yew/Thông đỏ lá ngắn (Thông đỏ trung hoa)	II CITES; IIA
		Taxus cuspidata [P6#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Japanese yew or Spreading yew/Thông đỏ nhật bản	II CITES
		Taxus fuana [#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/West Himalayan yew/Thông đỏ tây himalaya	II CITES
		Taxus sumatrana [#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Sumatera yew/Thông đỏ sumatra	II CITES
		Taxus wallichiana [#2]/Himalayan yew/Thông đỏ lá dài (Thông đỏ himalaya)	II CITES; IIA

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

[P6] Các giống và giống lai được nhân giống nhân tạo của loài *Taxus cuspidata*, dạng sống, trong chậu hoặc các vật chứa nhỏ khác, mỗi lô hàng được dán nhãn hoặc tài liệu ghi rõ tên của đơn vị phân loại hoặc đơn vị phân loại và mang dòng chữ 'nhân giống nhân tạo', không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Cephalotaxaceae/Họ Đỉnh tùng	
		Cephalotaxus mannii/Đỉnh tùng (Phỉ ba mũi)	IIA
4403.12	- - Từ cây không thuộc loài lá kim:		
4403.12.10	- - - Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng, bao gồm:		
		Bignoniaceae/Trumpet trees/Họ Núc nác (Họ Đinh)	
		Handroanthus spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Handroanthus* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Roseodendron spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Roseodendron* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Tabebuia spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Tabebuia* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Fernandoa spp./Các loài Đinh thuộc chi *Fernandoa*	IIA
		Caryocaraceae/Ajo/Họ Ajo	
		Caryocar costarricense[#4]/Ajo/Caryocar/Cây ajo	II CITES

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loà Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Ebenaceae/Ebonies/Họ Thị	
		Diospyros spp.[#5]/Malagasy ebony/Các loài Mun madagascar (Chỉ áp dụng với quần thể của Madagascar, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Diospyros mun/Mun	II CITES; IIA
		Diospyros sailetii/Mun sọc	II CITES; IIA
		Fagaceae/Mongolian oak/Họ Dẻ	
		Quercus mongolica[#5]/Mongolian oak/Sồi mông cổ (Liên bang Nga)	III CITES
		Juglandaceae/Gavilan/Họ Hồ đào	
		Oreomunnea pterocarpa[#4]/Gavilan (walnut)/Óc chó	II CITES
		Lauraceae/Brazilian rosewood/Họ Long não (Họ Nguyệt quế)	
		Aniba rosaeodora[#12]/Car-Cara/Gỗ đỏ	II CITES
		Cinnamomum balansae/Gù hương (Quế balansa)	IIA
		Cinnamomum glaucescens/Re xanh phấn	IIA
		Cinnamomum parthenoxylon/Vù hương (Xá xị, Re hương)	IIA
		Leguminosae (Fabaceae) Afrormosia, cristobal, rosewood, sandalwood/Họ Đậu	
		***Afzelia* spp.**[#17]/Pod mahoganies/Các loài thuộc chi Gõ đỏ *Afzelia* (Chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#12] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, gỗ ép và chiết xuất. Sản phẩm hoàn chỉnh chứa thành phần chiết xuất, kể cả chất tạo hương, không thuộc điều chỉnh của chú giải này.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		***Dalbergia* spp.**[#15]/Malagasy rosewood/Các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* (Trừ các loài được quy định trong Phụ lục I)	II CITES
		***Dalbergia nigra*/**Brazilian rosewood/Trắc đen brazin	I CITES
		***Afzelia xylocarpa*/**Gõ đỏ (Cà te)	IIA
		Dalbergia cochinchinensis/Trắc	II CITES; IIA
		***Dalbergia oliveri*/**Cẩm lai	II CITES; IIA
		***Dalbergia rimosa*/**Trắc dây	II CITES; IIA
		Dalbergia tonkinensis/Sưa	II CITES; IIA
		***Pterocarpus macrocarpus*/**Giáng hương quả to	IIA
		***Sindora siamensis*/**Gụ mật (Gõ mật)	IIA
		Sindora tonkinensis/Gụ lau	IIA
		***Dipteryx* spp.**[#17]/Cumaru/Các loài thuộc chi *Dipteryx* (Có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		***Guibourtia demeuse* [#15]/**Guibourtia tree/Cây guibourtia	II CITES
		***Guibourtia pellegriniana*[#15]/**Bubinga tree/Cây bubinga	II CITES
		***Guibourtia tessmannii* [#15]**/Guibourtia tree/Cây gỗ guibourtia	II CITES
		Paubrasilia echinata[#10]/Pau Brasil	II CITES
		Pericopsis elata[#17]/African teak/Tếch châu phi	II CITES

[#15] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Lá, hoa, phấn hoa, quả và hạt;

b) Các sản phẩm hoàn chỉnh có khối lượng gỗ của loài được liệt kê tối đa là 10 kg cho mỗi lô hàng;

c) Các dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh, các bộ phận dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh và các linh kiện dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh;

d) Các bộ phận và dẫn xuất của gỗ trắc *Dalbergia cochinchinensis* được quy định tại chú giải #4; và

e) Các bộ phận và dẫn xuất của các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* có nguồn gốc và được xuất khẩu từ Mexico được quy định tại chú giải #6;

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#10] Tất cả các bộ phận, dẫn xuất và sản phẩm hoàn chỉnh, ngoại trừ các nhạc cụ hoàn chỉnh, các linh kiện nhạc cụ và các bộ phận nhạc cụ hoàn chỉnh để tái xuất khẩu.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Platymiscium parviflorum[#4]/Quira macawood/Cây platysicium	II CITES
		Pterocarpus* spp.**[#17]/Padauk/Các loài thuộc chi Giáng hương *Pterocarpus* (trừ ***Pterocarpus santalinus quy định tại Phụ lục II với chú giải #7; chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể khác không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Pterocarpus santalinus[#7]/Red sandal wood/Giáng hương santa	II CITES
		Magnoliaceae/Magnolias/Họ Mộc lan	
		Magnolia liliifera* var. *obovata[#1]/Magnolia/Mộc lan trứng ngược (Nepal)	III CITES

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#7] Gỗ tròn, dăm gỗ, bột gỗ và các sản phẩm chiết xuất từ gỗ.

[#1] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Hạt, bào tử và hạt phấn (gồm cả túi phấn);

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo; và

d) Quả và các bộ phận, dẫn xuất từ cây được nhân giống nhân tạo của chi *Vanilla.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Meliaceae/Mahoganies, West Indian cedar/Họ Xoan	
		***Cedrela* spp.**[#6] (Chỉ áp dụng đối với các quần thể ở Trung và Nam Mỹ, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		***Khaya* spp.**[#17]/African mahoganies/Các loài thuộc chi Xà cừ *Khaya* (chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Swietenia humilis[#4]/Pacific coast mahogany/Dái ngựa lùn	II CITES
		Swietenia macrophylla [#6]/Bigleaf mahogany/Dái ngựa (Các quần thể ở Trung và Nam Mỹ các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Swietenia mahagoni [#5]/Small mahogany/Dái ngựa nhỏ	II CITES
		Oleaceae/Machurian ash/Họ Nhài	
		Fraxinus mandshurica [#5]/Sồi fraxinus (Liên bang Nga)	III CITES

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Rosaceae/African cherry/Họ Hoa hồng	
		Prunus africana [#4]/African cherry/Anh đào châu phi	II CITES
		Santalaceae/African sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata [#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Thymelaeaceae (*Aquilaria*ceae)/Agarwood, ramin/ Họ Trầm	
		Aquilaria spp. [#14]/Agarwood/Các loài Trầm thuộc chi *Aquilaria*	II CITES
		***Gonystylus* spp.** [#4]/Ramin/Các loài Trầm thuộc chi *Gonystylus*	II CITES

[#14] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và hạt phấn;

b) Cây con hoặc mô nuôi cấy *in vitro* được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Quả;

d) Lá;

e) Bột trầm hương đã tách tinh dầu, kể cả các sản phẩm tạo hình được nén từ bột; và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ, miễn trừ này không áp dụng với dăm gỗ, hột tràng hạt, tràng hạt và sản phẩm điêu khắc.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata, *Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Gyrinops spp.[#14]/Các loài Trầm thuộc chi *Gyrinops*	II CITES
		Zygophyllaceae/Lignum-vitae/Họ Tật lê	
		Bulnesia sarmientoi[#11]/Palo Santo or Holy wood/ Loài gỗ thánh	II CITES
		***Guaiacum* spp.**[#2]/Guai/Các loài thuộc chi *Guaiacum*	II CITES
		Dipterocarpaceae/Họ Dầu	
		Hopea cordata/Sao hình tim	IA
		Hopea pierrei/Kiền kiền phú quốc	IA
		Hopea reticulata/Sao mạng cà ná	IA
		Shorea falcata/Chai lá cong	IA
		Clusiaceae/Họ Măng cụt	
		Garcinia fagraeoides/Trai	IIA
		Tiliaceae/Họ Đay	
		Burretiodendron tonkinense (Excentrodendron tonkinense)/ Nghiến	IIA
4403.12.90	- - - Loại khác, bao gồm:		
		Bignoniaceae/Trumpet trees/Họ Núc nác (Họ Đinh)	
		Handroanthus spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Handroanthus* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Roseodendron spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Roseodendron* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Tabebuia spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Tabebuia* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Fernandoa spp./Các loài Đinh thuộc chi *Fernandoa*	IIA

[#11] Gỗ tròn, gỗ xẻ, tấm ván lạng, ván ép, bột gỗ và các chiết xuất. Gỗ thành phẩm có chứa chiết xuất làm thành phần, bao gồm cả nước hoa, không thuộc điều chỉnh bởi chú giải này.

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Caryocaraceae/Ajo/Họ Ajo	
		Caryocar costarricense[#4]/Ajo/Caryocar/Cây ajo	II CITES
		Ebenaceae/Ebonies/Họ Thị	
		Diospyros spp.[#5]/Malagasy ebony/Các loài Mun madagascar (Chỉ áp dụng với quần thể của Madagascar, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Diospyros mun/Mun	II CITES; IIA
		Diospyros sailetii/Mun sọc	II CITES; IIA
		Fagaceae/Mongolian oak/Họ Dẻ	
		Quercus mongolica[#5]/Mongolian oak/Sồi mông cổ (Liên bang Nga)	III CITES
		Juglandaceae/Gavilan/Họ Hồ đào	
		Oreomunnea pterocarpa[#4]/Gavilan (walnut)/Óc chó	II CITES
		Lauraceae/Brazilian rosewood/Họ Long não (Họ Nguyệt quế)	

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Aniba rosaeodora[#12]/Car-Cara/Gỗ đỏ	II CITES
		Cinnamomum balansae/Gù hương (Quế balansa)	IIA
		Cinnamomum glaucescens/Re xanh phấn	IIA
		Cinnamomum parthenoxylon/Vù hương (Xá xị, Re hương)	IIA
		Leguminosae (Fabaceae) Afrormosia, cristobal, rosewood, sandalwood/Họ Đậu	
		***Afzelia* spp.**[#17]/Pod mahoganies/Các loài thuộc chi Gõ đỏ *Afzelia* (Chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		***Dalbergia* spp.**[#15]/Malagasy rosewood/Các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* (Trừ các loài được quy định trong Phụ lục I)	II CITES
		Dalbergia nigra/Brazilian rosewood/Trắc đen brazin	I CITES
		Afzelia xylocarpa/Gõ đỏ (Cà te)	IIA
		Dalbergia cochinchinensis/Trắc	II CITES; IIA
		Dalbergia oliveri/Cẩm lai	II CITES; IIA
		Dalbergia rimosa/Trắc dây	II CITES; IIA
		Dalbergia tonkinensis/Sưa	II CITES; IIA
		Pterocarpus macrocarpus/Giáng hương quả to	IIA
		Sindora siamensis/Gụ mật (Gõ mật)	IIA

[#12] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, gỗ ép và chiết xuất. Sản phẩm hoàn chỉnh chứa thành phần chiết xuất, kể cả chất tạo hương, không thuộc điều chỉnh của chú giải này.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#15] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Lá, hoa, phấn hoa, quả và hạt;

b) Các sản phẩm hoàn chỉnh có khối lượng gỗ của loài được liệt kê tối đa là 10 kg cho mỗi lô hàng;

c) Các dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh, các bộ phận dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh và các linh kiện dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh;

d) Các bộ phận và dẫn xuất của gỗ trắc *Dalbergia cochinchinensis* được quy định tại chú giải #4; và

e) Các bộ phận và dẫn xuất của các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* có nguồn gốc và được xuất khẩu từ Mexico được quy định tại chú giải #6;

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Sindora tonkinensis/Gụ lau	IIA
		***Dipteryx* spp.**[#17]/Cumaru/Các loài thuộc chi *Dipteryx* (Có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Guibourtia demeuse [#15]/Guibourtia tree/Cây guibourtia	II CITES
		Guibourtia pellegriniana[#15]/Bubinga tree/Cây bubinga	II CITES
		Guibourtia tessmannii [#15]/Guibourtia tree/Cây gỗ guibourtia	II CITES
		Paubrasilia echinata[#10]/Pau Brasil	II CITES
		Pericopsis elata[#17]/African teak/Tếch châu phi	II CITES
		Platymiscium parviflorum[#4]/Quira macawood/Cây platysicium	II CITES
		Pterocarpus* spp.**[#17]/Padauk/Các loài thuộc chi Giáng hương *Pterocarpus* (trừ ***Pterocarpus santalinus quy định tại Phụ lục II với chú giải #7; chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể khác không quy định tại Phụ lục)	II CITES

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#10] Tất cả các bộ phận, dẫn xuất và sản phẩm hoàn chỉnh, ngoại trừ các nhạc cụ hoàn chỉnh, các linh kiện nhạc cụ và các bộ phận nhạc cụ hoàn chỉnh để tái xuất khẩu.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Pterocarpus santalinus[#7]/Red sandal wood/Giáng hương santa	II CITES
		Magnoliaceae/Magnolias/Họ Mộc lan	
		Magnolia liliifera* var. *obovata[#1]/Magnolia/Mộc lan trứng ngược (Nepal)	III CITES
		Meliaceae/Mahoganies, West Indian cedar/Họ Xoan	
		***Cedrela* spp.**[#6] (Chỉ áp dụng đối với các quần thể ở Trung và Nam Mỹ, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		***Khaya* spp.**[#17]/African mahoganies/Các loài thuộc chi Xà cừ *Khaya* (chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Swietenia humilis[#4]/Pacific coast mahogany/Dái ngựa lùn	II CITES

[#7] Gỗ tròn, dăm gỗ, bột gỗ và các sản phẩm chiết xuất từ gỗ.

[#1] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Hạt, bào tử và hạt phấn (gồm cả túi phấn);

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo; và

d) Quả và các bộ phận, dẫn xuất từ từ cây được nhân giống nhân tạo của chi *Vanilla.*

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Swietenia macrophylla[#6]/Bigleaf mahogany/Dái ngựa (Các quần thể ở Trung và Nam Mỹ các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Swietenia mahagoni [#5]/Small mahogany/Dái ngựa nhỏ	II CITES
		Oleaceae/Machurian ash/Họ Nhài	
		Fraxinus mandshurica [#5]/Sồi fraxinus (Liên bang Nga)	III CITES
		Rosaceae/African cherry/Họ Hoa hồng	
		Prunus africana [#4]/African cherry/Anh đào châu phi	II CITES
		Santalaceae/African sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata[#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Thymelaeaceae (*Aquilaria*ceae)/Agarwood, ramin/Họ Trầm	
		Aquilaria spp.[#14]/Agarwood/Các loài Trầm thuộc chi *Aquilaria*	II CITES
		***Gonystylus* spp.**[#4]/Ramin/Các loài Trầm thuộc chi *Gonystylus*	II CITES

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#14] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và hạt phấn;

b) Cây con hoặc mô nuôi cấy *in vitro* được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Quả;

d) Lá;

e) Bột trầm hương dã tách tinh dầu, kể cả các sản phẩm tạo hình được nén từ bột; và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ, miễn trừ này không áp dụng với dăm gỗ, hột tràng hạt, tràng hạt và sản phẩm điêu khắc.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Gyrinops spp.[#14]/Các loài Trầm thuộc chi *Gyrinops*	II CITES
		Zygophyllaceae/Lignum-vitae/Họ Tật lê	
		Bulnesia sarmientoi[#11]/Palo Santo or Holy wood/Loài gỗ thánh	II CITES
		***Guaiacum* spp.**[#2]/Guai/Các loài thuộc chi *Guaiacum*	II CITES
		Dipterocarpaceae/Họ Dầu	
		Hopea cordata/Sao hình tim	IA
		Hopea pierrei/Kiền kiền phú quốc	IA
		Hopea reticulata/Sao mạng cà ná	IA
		Shorea falcata/Chai lá cong	IA
		Clusiaceae/Họ Măng cụt	
		Garcinia fagraeoides/Trai	IIA
		Tiliaceae/Họ Đay	
		Burretiodendron tonkinense (Excentrodendron tonkinense)/ Nghiến	IIA
	- Loại khác, từ cây lá kim:		
4403.21	- - Từ cây thông (*Pinus spp.*), có kích thước mặt cắt ngang nhỏ nhất từ 15 cm trở lên:		

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#11] Gỗ tròn, gỗ xẻ, tấm ván lạng, ván ép, bột gỗ và các chiết xuất. Gỗ thành phẩm có chứa chiết xuất làm thành phần, bao gồm cả nước hoa, không thuộc điều chỉnh bởi chú giải này.

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
4403.21.10	- - - Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng, bao gồm:		
		Pinaceae/Firs and pines/Họ Thông	
		Pinus koraiensis[#5]/Korean pine/Thông triều tiên (Liên bang Nga)	III CITES
		Pinus cernua/Thông xuân nha (5 lá rủ)	IIA
		Pinus dalatensis/Thông đà lạt	IIA
		Pinus hwangshanensis/Thông hai lá quả nhỏ (Thông đá vôi quả nhỏ)	IIA
		Pinus krempfii/Thông lá dẹt	IIA
4403.21.90	- - - Loại khác, bao gồm:		
		Pinaceae/Firs and pines/Họ Thông	
		Pinus koraiensis[#5]/Korean pine/Thông triều tiên (Liên bang Nga)	III CITES
		Pinus cernua/Thông xuân nha (5 lá rủ)	IIA
		Pinus dalatensis/Thông đà lạt	IIA
		Pinus hwangshanensis/Thông hai lá quả nhỏ (Thông đá vôi quả nhỏ)	IIA
		Pinus krempfii/Thông lá dẹt	IIA
4403.22	- - Từ cây thông *(Pinus spp.)*, loại khác:		
4403.22.10	- - - Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng, bao gồm:		
		Pinaceae/Firs and pines/Họ Thông	
		Pinus koraiensis[#5]/Korean pine/Thông triều tiên (Liên bang Nga)	III CITES
		Pinus cernua/Thông xuân nha (5 lá rủ)	IIA
		Pinus dalatensis/Thông đà lạt	IIA
		Pinus hwangshanensis/Thông hai lá quả nhỏ (Thông đá vôi quả nhỏ)	IIA
		Pinus krempfii/Thông lá dẹt	IIA
4403.22.90	- - - Loại khác		

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Pinaceae/Firs and pines/Họ Thông	
		Pinus koraiensis[#5]***/***Korean pine/Thông triều tiên (Liên bang Nga)	III CITES
		Pinus cernua/Thông xuân nha (5 lá rủ)	IIA
		Pinus dalatensis/Thông đà lạt	IIA
		Pinus hwangshanensis/Thông hai lá quả nhỏ (Thông đá vôi quả nhỏ)	IIA
		Pinus krempfii/Thông lá dẹt	IIA
4403.23	- - Từ cây linh sam (*Abies spp.*) và vân sam (*Picea spp.*), có kích thước mặt cắt ngang nhỏ nhất từ 15 cm trở lên:		
4403.23.10	- - - Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng, bao gồm:		
		Pinaceae/Firs and pines/Họ Thông	
		Abies guatemalensis/Guatemalan fir/Linh sam guatemala	I CITES
		Abies delavayi* subsp. *fansipanensis/Vân sam phan si păng	IA
4403.23.90	- - - Loại khác, bao gồm:		
		Pinaceae/Firs and pines/Họ Thông	
		Abies guatemalensis/Guatemalan fir/Linh sam guatemala	I CITES
		Abies delavayi* subsp. *fansipanensis/Vân sam phan si păng	IA
4403.24	- - Từ cây linh sam (*Abies spp.*) và cây vân sam (*Picea spp.*), loại khác:		
4403.24.10	- - - Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng, bao gồm:		
		Pinaceae/Firs and pines/Họ Thông	
		Abies guatemalensis/Guatemalan fir/Linh sam guatemala	I CITES
		Abies delavayi* subsp. *fansipanensis/Vân sam phan si păng	IA
4403.24.90	- - - Loại khác, bao gồm:		
		Pinaceae/Firs and pines/Họ Thông	
		Abies guatemalensis/Guatemalan fir/Linh sam guatemala	I CITES
		Abies delavayi* subsp. *fansipanensis/Vân sam phan si păng	IA

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
4403.25	- - Loại khác, có kích thước mặt cắt ngang nhỏ nhất từ 15 cm trở lên:		
4403.25.10	- - - Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng, bao gồm:		
		Araucariaceae/Monkey-puzzle tree/Họ Bách tán	
		Araucaria araucana/Monkey-puzzel tree/Bách tán araucana	I CITES
		Cupressaceae/Cypresses/Họ Hoàng đàn	
		Fitzroya cupressoides/Alerce/Tùng fitzroya	I CITES
		Pilgerodendron uviferum/Pilgerodendron/Tùng pilgerodendron	I CITES
		Widdringtonia whytei/Hoàng đàn malawi	II CITES
		Cunninghamia konishii/Sa mộc dầu	IA
		Cupressus tonkinensis/Hoàng đàn hữu liên	IA
		Glyptostrobus pensilis/Thông nước	IA
		Taiwania cryptomerioides/Bách đài loan	IA
		Xanthocyparis vietnamensis (Cupressus vietnamensis)/ Bách vàng	IA
		Calocedrus macrolepis/Bách xanh	IIA
		Calocedrus rupestris/Bách xanh núi đá	IIA
		Fokienia hodginsii/Pơ mu	IIA
		Pinaceae/Firs and pines/Họ Thông	
		Keteleeria davidiana/Du sam đá vôi	IA
		Pseudotsuga brevifolia/Thiết sam giả lá ngắn	IIA
		Podocarpaceae/ Podocarps/Họ Kim giao	
		Podocarpus neriifolius [#1]/Faux Pemou/Thông tre (Nepal)	III CITES
		Podocarpus pilgeri/Thông tre lá ngắn	IIA
		Podocarpus parlatorei/Parlatore's podocarp/Kim giao parlatore	I CITES
		Taxaceae/Himalayan yew/Họ Thông đỏ	
		Taxus chinensis [#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/Chinese yew/Thông đỏ lá ngắn (Thông đỏ trung hoa)	II CITES; IIA

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Taxus cuspidata [P6#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Japanese yew or Spreading yew/Thông đỏ nhật bản	II CITES
		Taxus fuana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/West Himalayan yew/Thông đỏ tây himalaya	II CITES
		Taxus sumatrana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Sumatera yew/Thông đỏ sumatra	II CITES
		Taxus wallichiana[#2]/Himalayan yew/Thông đỏ lá dài (Thông đỏ himalaya)	II CITES; IIA
		Cephalotaxaceae/Họ Đỉnh tùng	
		Cephalotaxus mannii/Đỉnh tùng (Phỉ ba mũi)	IIA
4403.25.90	- - - Loại khác, bao gồm:		
		Araucariaceae/Monkey-puzzle tree/Họ Bách tán	
		Araucaria araucana/Monkey-puzzel tree/Bách tán araucana	I CITES
		Cupressaceae/Cypresses/Họ Hoàng đàn	
		Fitzroya cupressoides/Alerce/Tùng fitzroya	I CITES
		Pilgerodendron uviferum/Pilgerodendron/Tùng pilgerodendron	I CITES
		Widdringtonia whytei/Hoàng đàn malawi	II CITES
		Cunninghamia konishii/Sa mộc dầu	IA
		Cupressus tonkinensis/Hoàng đàn hữu liên	IA
		Glyptostrobus pensilis/Thông nước	IA
		Taiwania cryptomerioides/Bách đài loan	IA
		Xanthocyparis vietnamensis (Cupressus vietnamensis)/ Bách vàng	IA
		Calocedrus macrolepis/Bách xanh	IIA
		Calocedrus rupestris/Bách xanh núi đá	IIA
		Fokienia hodginsii/Pơ mu	IIA

[P6] Các giống và giống lai được nhân giống nhân tạo của loài *Taxus cuspidata*, dạng sống, trong chậu hoặc các vật chứa nhỏ khác, mỗi lô hàng được dán nhãn hoặc tài liệu ghi rõ tên của đơn vị phân loại hoặc đơn vị phân loại và mang dòng chữ 'nhân giống nhân tạo', không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Pinaceae/Firs and pines/Họ Thông	
		Keteleeria davidiana/Du sam đá vôi	IA
		Pseudotsuga brevifolia/Thiết sam giả lá ngắn	IIA
		Podocarpaceae/Podocarps/Họ Kim giao	
		Podocarpus neriifolius [#1]/Faux Pemou/Thông tre (Nepal)	III CITES
		Podocarpus pilgeri/Thông tre lá ngắn	IIA
		Podocarpus parlatorei/Parlatore's podocarp/Kim giao parlatore	I CITES
		Taxaceae/Himalayan yew/Họ Thông đỏ	
		Taxus chinensis[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Chinese yew/Thông đỏ lá ngắn (Thông đỏ trung hoa)	II CITES; IIA
		Taxus cuspidata [P6#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Japanese yew or Spreading yew/Thông đỏ nhật bản	II CITES
		Taxus fuana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/West Himalayan yew/Thông đỏ tây himalaya	II CITES
		Taxus sumatrana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Sumatera yew/Thông đỏ sumatra	II CITES
		Taxus wallichiana[#2]/Himalayan yew/Thông đỏ lá dài (Thông đỏ himalaya)	II CITES; IIA
		Cephalotaxaceae/Họ Đỉnh tùng	
		Cephalotaxus mannii/Đỉnh tùng (Phỉ ba mũi)	IIA
4403.26	- - Loại khác:		
4403.26.10	- - - Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng, bao gồm:		
		Araucariaceae/Monkey-puzzle tree/Họ Bách tán	
		Araucaria araucana/Monkey-puzzel tree/Bách tán araucana	I CITES

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

[P6] Các giống và giống lai được nhân giống nhân tạo của loài *Taxus cuspidata*, dạng sống, trong chậu hoặc các vật chứa nhỏ khác, mỗi lô hàng được dán nhãn hoặc tài liệu ghi rõ tên của đơn vị phân loại hoặc đơn vị phân loại và mang dòng chữ 'nhân giống nhân tạo', không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Cupressaceae/Cypresses/Họ Hoàng đàn	
		Fitzroya cupressoides/Alerce/Tùng fitzroya	I CITES
		Pilgerodendron uviferum/Pilgerodendron/Tùng pilgerodendron	I CITES
		Widdringtonia whytei/Hoàng đàn malawi	II CITES
		Cunninghamia konishii/Sa mộc dầu	IA
		Cupressus tonkinensis/Hoàng đàn hữu liên	IA
		Glyptostrobus pensilis/Thông nước	IA
		Taiwania cryptomerioides/Bách đài loan	IA
		Xanthocyparis vietnamensis (Cupressus vietnamensis)/ Bách vàng	IA
		Calocedrus macrolepis/Bách xanh	IIA
		Calocedrus rupestris/Bách xanh núi đá	IIA
		Fokienia hodginsii/Pơ mu	IIA
		Pinaceae/Firs and pines/Họ Thông	
		Keteleeria davidiana/Du sam đá vôi	IA
		Pseudotsuga brevifolia/Thiết sam giả lá ngắn	IIA
		Podocarpaceae/Podocarps/Họ Kim giao	
		Podocarpus neriifolius [#1]/Faux Pemou/Thông tre (Nepal)	III CITES
		Podocarpus pilgeri/Thông tre lá ngắn	IIA
		Podocarpus parlatorei/Parlatore's podocarp/Kim giao parlatore	I CITES
		Taxaceae/Himalayan yew/Họ Thông đỏ	
		Taxus chinensis[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/Chinese yew/Thông đỏ lá ngắn (Thông đỏ trung hoa)	II CITES; IIA

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Taxus cuspidata[P6#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Japanese yew or Spreading yew/Thông đỏ nhật bản	II CITES
		Taxus fuana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/West Himalayan yew/Thông đỏ tây himalaya	II CITES
		Taxus sumatrana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Sumatera yew/Thông đỏ sumatra	II CITES
		Taxus wallichiana[#2]/Himalayan yew/Thông đỏ lá dài (Thông đỏ himalaya)	II CITES; IIA
		Cephalotaxaceae/Họ Đỉnh tùng	
		Cephalotaxus mannii/Đỉnh tùng (Phỉ ba mũi)	IIA
4403.26.90	- - - Loại khác, bao gồm:		
		Araucariaceae/Monkey-puzzle tree/Họ Bách tán	
		Araucaria araucana/Monkey-puzzel tree/Bách tán araucana	I CITES
		Cupressaceae/Cypresses/Họ Hoàng đàn	
		Fitzroya cupressoides/Alerce/Tùng fitzroya	I CITES
		Pilgerodendron uviferum/Pilgerodendron/Tùng pilgerodendron	I CITES
		Widdringtonia whytei/Hoàng đàn malawi	II CITES
		Cunninghamia konishii/Sa mộc dầu	IA
		Cupressus tonkinensis/Hoàng đàn hữu liên	IA
		Glyptostrobus pensilis/Thông nước	IA
		Taiwania cryptomerioides/Bách đài loan	IA
		Xanthocyparis vietnamensis (Cupressus vietnamensis)/ Bách vàng	IA

[P6] Các giống và giống lai được nhân giống nhân tạo của loài *Taxus cuspidata*, dạng sống, trong chậu hoặc các vật chứa nhỏ khác, mỗi lô hàng được dán nhãn hoặc tài liệu ghi rõ tên của đơn vị phân loại hoặc đơn vị phân loại và mang dòng chữ 'nhân giống nhân tạo', không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Calocedrus macrolepis/Bách xanh	IIA
		Calocedrus rupestris/Bách xanh núi đá	IIA
		Fokienia hodginsii/Pơ mu	IIA
		Pinaceae/Firs and pines/Họ Thông	
		Keteleeria davidiana/Du sam đá vôi	IA
		Pseudotsuga brevifolia/Thiết sam giả lá ngắn	IIA
		Podocarpaceae/ Podocarps/Họ Kim giao	
		Podocarpus neriifolius [#1]/Faux Pemou/Thông tre (Nepal)	III CITES
		Podocarpus pilgeri/Thông tre lá ngắn	IIA
		Podocarpus parlatorei/Parlatore's podocarp/Kim giao parlatore	I CITES
		Taxaceae/Himalayan yew/Họ Thông đỏ	
		Taxus chinensis[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Chinese yew/Thông đỏ lá ngắn (Thông đỏ trung hoa)	II CITES; IIA
		Taxus cuspidata[P6#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Japanese yew or Spreading yew/Thông đỏ nhật bản	II CITES
		Taxus fuana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/West Himalayan yew/Thông đỏ tây himalaya	II CITES
		Taxus sumatrana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Sumatera yew/Thông đỏ sumatra	II CITES
		Taxus wallichiana[#2]/Himalayan yew/Thông đỏ lá dài (Thông đỏ himalaya)	II CITES; IIA

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

[P6] Các giống và giống lai được nhân giống nhân tạo của loài *Taxus cuspidata*, dạng sống, trong chậu hoặc các vật chứa nhỏ khác, mỗi lô hàng được dán nhãn hoặc tài liệu ghi rõ tên của đơn vị phân loại hoặc đơn vị phân loại và mang dòng chữ 'nhân giống nhân tạo', không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Cephalotaxaceae/Họ Đỉnh tùng	
		Cephalotaxus mannii/Đỉnh tùng (Phỉ ba mũi)	IIA
	- Loại khác, từ gỗ nhiệt đới:		
4403.42	- - Gỗ Tếch (Teak):		
4403.42.10	- - - Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng, bao gồm:		
		Leguminosae (Fabaceae) Afrormosia, cristobal, rosewood, sandalwood/Họ Đậu	
		Pericopsis elata[#17]/African teak/Tếch châu phi	II CITES
4403.42.90	- - - Loại khác, bao gồm:		
		Leguminosae (Fabaceae) Afrormosia, cristobal, rosewood, sandalwood/Họ Đậu	
		Pericopsis elata[#17]/African teak/Tếch châu phi	II CITES
4403.49	- - Loại khác:		
4403.49.10	- - - Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng, bao gồm:		
		Bignoniaceae/Trumpet trees/Họ Núc nác (Họ Đinh)	
		Handroanthus spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Handroanthus* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Roseodendron spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Roseodendron* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Tabebuia spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Tabebuia* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Fernandoa spp./Các loài Đinh thuộc chi *Fernandoa*	IIA
		Caryocaraceae/Ajo/Họ Ajo	
		Caryocar costarricense[#4]/Ajo/Caryocar/Cây ajo	II CITES

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Ebenaceae/Ebonies/Họ Thị	
		Diospyros spp.[#5]/Malagasy ebony/Các loài Mun madagascar (Chỉ áp dụng với quần thể của Madagascar, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Diospyros mun/Mun	II CITES; IIA
		Diospyros sailetii/Mun sọc	II CITES; IIA
		Juglandaceae/ Gavilan/Họ Hồ đào	
		Oreomunnea pterocarpa[#4]/Gavilan (walnut)/Óc chó	II CITES
		Lauraceae/Brazilian rosewood/Họ Long não (Họ Nguyệt quế)	
		Aniba rosaeodora[#12]/Car-Cara/Gỗ đỏ	II CITES
		Cinnamomum balansae/Gù hương (Quế balansa)	IIA
		Cinnamomum glaucescens/Re xanh phấn	IIA

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loà Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#12] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, gỗ ép và chiết xuất. Sản phẩm hoàn chỉnh chứa thành phần chiết xuất, kể cả chất tạo hương, không thuộc điều chỉnh của chú giải này.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Cinnamomum parthenoxylon/Vù hương (Xá xị, Re hương)	IIA
		Leguminosae (Fabaceae) Afrormosia, cristobal, rosewood, sandalwood/Họ Đậu	
		***Afzelia* spp.**[#17/]Pod mahoganies/Các loài thuộc chi Gõ đỏ *Afzelia* (Chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		***Dalbergia* spp.**[#15]/Malagasy rosewood/Các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* (Trừ các loài được quy định trong Phụ lục I)	II CITES
		Dalbergia nigra/Brazilian rosewood/Trắc đen brazin	I CITES
		Afzelia xylocarpa/Gõ đỏ (Cà te)	IIA
		Dalbergia cochinchinensis/Trắc	II CITES; IIA
		Dalbergia oliveri/Cẩm lai	II CITES; IIA
		Dalbergia rimosa/Trắc dây	II CITES; IIA
		Dalbergia tonkinensis/Sưa	II CITES; IIA
		Pterocarpus macrocarpus/Giáng hương quả to	IIA
		Sindora siamensis/Gụ mật (Gõ mật)	IIA
		Sindora tonkinensis/Gụ lau	IIA
		***Dipteryx* spp.**[#17]/Cumaru/Các loài thuộc chi *Dipteryx* (Có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#15] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Lá, hoa, phấn hoa, quả và hạt;

b) Các sản phẩm hoàn chỉnh có khối lượng gỗ của loài được liệt kê tối đa là 10 kg cho mỗi lô hàng;

c) Các dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh, các bộ phận dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh và các linh kiện dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh;

d) Các bộ phận và dẫn xuất của gỗ trắc *Dalbergia cochinchinensis* được quy định tại chú giải #4; và

e) Các bộ phận và dẫn xuất của các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* có nguồn gốc và được xuất khẩu từ Mexico được quy định tại chú giải #6;

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Guibourtia demeuse [#15]/Guibourtia tree/Cây guibourtia	II CITES
		Guibourtia pellegriniana [#15]/Bubinga tree/Cây bubinga	II CITES
		Guibourtia tessmannii [#15]/Guibourtia tree/Cây gỗ guibourtia	II CITES
		Paubrasilia echinata [#10]/Pau Brasil	II CITES
		Platymiscium parviflorum [#4]/Quira macawood/Cây platysicium	II CITES
		Pterocarpus* spp.** [#17]/Padauk/Các loài thuộc chi Giáng hương *Pterocarpus* (trừ ***Pterocarpus santalinus quy định tại Phụ lục II với chú giải #7; chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể khác không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Pterocarpus santalinus [#7]/Red sandal wood/Giáng hương santa	II CITES

[#10] Tất cả các bộ phận, dẫn xuất và sản phẩm hoàn chỉnh, ngoại trừ các nhạc cụ hoàn chỉnh, các linh kiện nhạc cụ và các bộ phận nhạc cụ hoàn chỉnh để tái xuất khẩu.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loà Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#7] Gỗ tròn, dăm gỗ, bột gỗ và các sản phẩm chiết xuất từ gỗ.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Magnoliaceae/Magnolias/Họ Mộc lan	
		Magnolia liliifera* var. *obovata[#1]/Magnolia/Mộc lan trứng ngược (Nepal)	III CITES
		Meliaceae/Mahoganies, West Indian cedar/Họ Xoan	
		***Cedrela* spp.**[#6] (Chỉ áp dụng đối với các quần thể ở Trung và Nam Mỹ, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		***Khaya* spp.**[#17]/African mahoganies/Các loài thuộc chi Xà cừ *Khaya* (chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Swietenia humilis[#4]/Pacific coast mahogany/Dái ngựa lùn	II CITES

[#1] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Hạt, bào tử và hạt phấn (gồm cả túi phấn);

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo; và

d) Quả và các bộ phận, dẫn xuất từ từ cây được nhân giống nhân tạo của chi *Vanilla.*

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Swietenia macrophylla[#6]/Bigleaf mahogany/Dái ngựa (Các quần thể ở Trung và Nam Mỹ các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Swietenia mahagoni [#5]/Small mahogany/Dái ngựa nhỏ	II CITES
		Rosaceae/ African cherry/Họ Hoa hồng	
		Prunus africana [#4]/African cherry/Anh đào châu phi	II CITES
		Santalaceae/African sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata [#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Thymelaeaceae (*Aquilaria*ceae)/Agarwood, ramin/Họ Trầm	
		Aquilaria spp.[#14/]Agarwood/Các loài Trầm thuộc chi *Aquilaria*	II CITES
		***Gonystylus* spp.**[#4]/Ramin/Các loài Trầm thuộc chi *Gonystylus*	II CITES

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#14] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và hạt phấn;

b) Cây con hoặc mô nuôi cấy *in vitro* được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Quả;

d) Lá;

e) Bột trầm hương dã tách tinh dầu, kể cả các sản phẩm tạo hình được nén từ bột; và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ, miễn trừ này không áp dụng với dăm gỗ, hột tràng hạt, tràng hạt và sản phẩm điêu khắc.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Gyrinops spp.[#14]/Các loài Trầm thuộc chi *Gyrinops*	II CITES
		Zygophyllaceae/Lignum-vitae/Họ Tật lê	
		Bulnesia sarmientoi[#11]/Palo Santo or Holy wood/Loài gỗ thánh	II CITES
		***Guaiacum* spp.**[#2]/Guai/Các loài thuộc chi *Guaiacum*	II CITES
		Dipterocarpaceae/Họ Dầu	
		Hopea cordata/Sao hình tim	IA
		Hopea pierrei/Kiền kiền phú quốc	IA
		Hopea reticulata/Sao mạng cà ná	IA
		Shorea falcata/Chai lá cong	IA
		Clusiaceae/Họ Măng cụt	
		Garcinia fagraeoides/Trai	IIA
		Tiliaceae/Họ Đay	
		Burretiodendron tonkinense (Excentrodendron tonkinense)/ Nghiến	IIA

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#11] Gỗ tròn, gỗ xẻ, tấm ván lạng, ván ép, bột gỗ và các chiết xuất. Gỗ thành phẩm có chứa chiết xuất làm thành phần, bao gồm cả nước hoa, không thuộc điều chỉnh bởi chú giải này.

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
4403.49.90	- - - Loại khác, bao gồm:		
		Bignoniaceae/Trumpet trees/Họ Núc nác (Họ Đinh)	
		Handroanthus spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Handroanthus* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Roseodendron spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Roseodendron* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Tabebuia spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Tabebuia* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Fernandoa spp./Các loài Đinh thuộc chi *Fernandoa*	IIA
		Caryocaraceae/Ajo/Họ Ajo	
		Caryocar costarricense[#4]/Ajo/Caryocar/Cây ajo	II CITES
		Ebenaceae/Ebonies/Họ Thị	
		Diospyros spp.[#5]/Malagasy ebony/Các loài Mun madagascar (Chỉ áp dụng với quần thể của Madagascar, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loà Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Diospyros mun/Mun	II CITES; IIA
		Diospyros sailetii/Mun sọc	II CITES; IIA
		Juglandaceae/Gavilan/Họ Hồ đào	
		Oreomunnea pterocarpa[#4]/Gavilan (walnut)/Óc chó	II CITES
		Lauraceae/Brazilian rosewood/Họ Long não (Họ Nguyệt quế)	
		Aniba rosaeodora [#12]/Car-Cara/Gỗ đỏ	II CITES
		Cinnamomum balansae/Gù hương (Quế balansa)	IIA
		Cinnamomum glaucescens/Re xanh phấn	IIA
		Cinnamomum parthenoxylon/Vù hương (Xá xị, Re hương)	IIA
		Leguminosae (Fabaceae) Afrormosia, cristobal, rosewood, sandalwood/Họ Đậu	
		***Afzelia* spp.**[#17/]Pod mahoganies/Các loài thuộc chi Gõ đỏ *Afzelia* (Chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		***Dalbergia* spp.** [#15] /Malagasy rosewood/Các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* (Trừ các loài được quy định trong Phụ lục I)	II CITES
		Dalbergia nigra/Brazilian rosewood/Trắc đen brazin	I CITES

[#12] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, gỗ ép và chiết xuất. Sản phẩm hoàn chỉnh chứa thành phần chiết xuất, kể cả chất tạo hương, không thuộc điều chỉnh của chú giải này.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#15] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Lá, hoa, phấn hoa, quả và hạt;

b) Các sản phẩm hoàn chỉnh có khối lượng gỗ của loài được liệt kê tối đa là 10 kg cho mỗi lô hàng;

c) Các dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh, các bộ phận dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh và các linh kiện dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh;

d) Các bộ phận và dẫn xuất của gỗ trắc *Dalbergia cochinchinensis* được quy định tại chú giải #4; và

e) Các bộ phận và dẫn xuất của các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* có nguồn gốc và được xuất khẩu từ Mexico được quy định tại chú giải #6;

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Afzelia xylocarpa/Gõ đỏ (Cà te)	IIA
		Dalbergia cochinchinensis/Trắc	II CITES; IIA
		Dalbergia oliveri/Cẩm lai	II CITES; IIA
		Dalbergia rimosa/Trắc dây	II CITES; IIA
		Dalbergia tonkinensis/Sưa	II CITES; IIA
		Pterocarpus macrocarpus/Giáng hương quả to	IIA
		Sindora siamensis/Gụ mật (Gõ mật)	IIA
		Sindora tonkinensis/Gụ lau	IIA
		***Dipteryx* spp.**[#17]/Cumaru/Các loài thuộc chi *Dipteryx* (Có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Guibourtia demeuse [#15]/Guibourtia tree/Cây guibourtia	II CITES
		Guibourtia pellegriniana[#15]/Bubinga tree/Cây bubinga	II CITES
		Guibourtia tessmannii [#15]/Guibourtia tree/Cây gỗ guibourtia	II CITES
		Paubrasilia echinata[#10]/Pau Brasil	II CITES
		Platymiscium parviflorum[#4]/Quira macawood/Cây platysicium	II CITES

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#10] Tất cả các bộ phận, dẫn xuất và sản phẩm hoàn chỉnh, ngoại trừ các nhạc cụ hoàn chỉnh, các linh kiện nhạc cụ và các bộ phận nhạc cụ hoàn chỉnh để tái xuất khẩu.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Pterocarpus* spp.**[#17]/Padauk/Các loài thuộc chi Giáng hương *Pterocarpus* (trừ ***Pterocarpus santalinus quy định tại Phụ lục II với chú giải #7; chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể khác không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Pterocarpus santalinus[#7]/Red sandal wood/Giáng hương santa	II CITES
		Magnoliaceae/Magnolias/Họ Mộc lan	
		Magnolia liliifera* var. *obovata[#1]/Magnolia/Mộc lan trứng ngược (Nepal)	III CITES
		Meliaceae/Mahoganies, West Indian cedar/Họ Xoan	
		***Cedrela* spp.**[#6] (Chỉ áp dụng đối với các quần thể ở Trung và Nam Mỹ, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		***Khaya* spp.**[#17]/African mahoganies/Các loài thuộc chi Xà cừ *Khaya* (chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Swietenia humilis[#4]/Pacific coast mahogany/Dái ngựa lùn	II CITES

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#7] Gỗ tròn, dăm gỗ, bột gỗ và các sản phẩm chiết xuất từ gỗ.

[#1] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Hạt, bào tử và hạt phấn (gồm cả túi phấn);

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo; và

d) Quả và các bộ phận, dẫn xuất từ từ cây được nhân giống nhân tạo của chi *Vanilla.*

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Swietenia macrophylla[#6]/Bigleaf mahogany/Dái ngựa (Các quần thể ở Trung và Nam Mỹ các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Swietenia mahagoni [#5]/Small mahogany/Dái ngựa nhỏ	II CITES
		Rosaceae/African cherry/Họ Hoa hồng	
		Prunus africana [#4]/African cherry/Anh đào châu phi	II CITES
		Santalaceae/African sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata[#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Thymelaeaceae (*Aquilaria*ceae)/Agarwood, ramin/ Họ Trầm	
		Aquilaria spp.[#14/]Agarwood/Các loài Trầm thuộc chi *Aquilaria*	II CITES

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loà Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#14] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và hạt phấn;

b) Cây con hoặc mô nuôi cấy *in vitro* được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Quả;

d) Lá;

e) Bột trầm hương dã tách tinh dầu, kể cả các sản phẩm tạo hình được nén từ bột; và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ, miễn trừ này không áp dụng với dăm gỗ, hột tràng hạt, tràng hạt và sản phẩm điêu khắc.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		***Gonystylus* spp.**[#4]/Ramin/Các loài Trầm thuộc chi *Gonystylus*	II CITES
		Gyrinops spp.[#14]/Các loài Trầm thuộc chi *Gyrinops*	II CITES
		Zygophyllaceae/ Lignum-vitae/Họ Tật lê	
		Bulnesia sarmientoi[#11]/Palo Santo or Holy wood/Loài gỗ thánh	II CITES
		***Guaiacum* spp.**[#2]/Guai/Các loài thuộc chi *Guaiacum*	II CITES
		Dipterocarpaceae/Họ Dầu	
		Hopea cordata/Sao hình tim	IA
		Hopea pierrei/Kiền kiền phú quốc	IA
		Hopea reticulata/Sao mạng cà ná	IA
		Shorea falcata/Chai lá cong	IA

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#11] Gỗ tròn, gỗ xẻ, tấm ván lạng, ván ép, bột gỗ và các chiết xuất. Gỗ thành phẩm có chứa chiết xuất làm thành phần, bao gồm cả nước hoa, không thuộc điều chỉnh bởi chú giải này.

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Clusiaceae/Họ Măng cụt	
		Garcinia fagraeoides/Trai	IIA
		Tiliaceae/Họ Đay	
		Burretiodendron tonkinense (Excentrodendron tonkinense)/ Nghiến	IIA
	- Loại khác:		
4403.91	- - Gỗ sồi (*Quercus spp.*):		
4403.91.10	- - - Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng, bao gồm:		
		Fagaceae/Mongolian oak/Họ Dẻ	
		Quercus mongolica[#5]/Mongolian oak/Sồi mông cổ (Liên bang Nga)	III CITES
4403.91.90	- - - Loại khác, bao gồm:		
		Fagaceae/Mongolian oak/Họ Dẻ	
		Quercus mongolica[#5]/Mongolian oak/Sồi mông cổ (Liên bang Nga)	III CITES
4403.99	- - Loại khác:		
4403.99.10	- - - Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng, bao gồm:		
		Oleaceae/Machurian ash/Họ Nhài	
		Fraxinus mandshurica [#5]/Sồi fraxinus (Liên bang Nga)	III CITES
4403.99.90	- - - Loại khác, bao gồm:		
		Oleaceae/Machurian ash/Họ Nhài	
		Fraxinus mandshurica [#5]/Sồi fraxinus (Liên bang Nga)	III CITES

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

(Xem tiếp Công báo số 113 + 114)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng